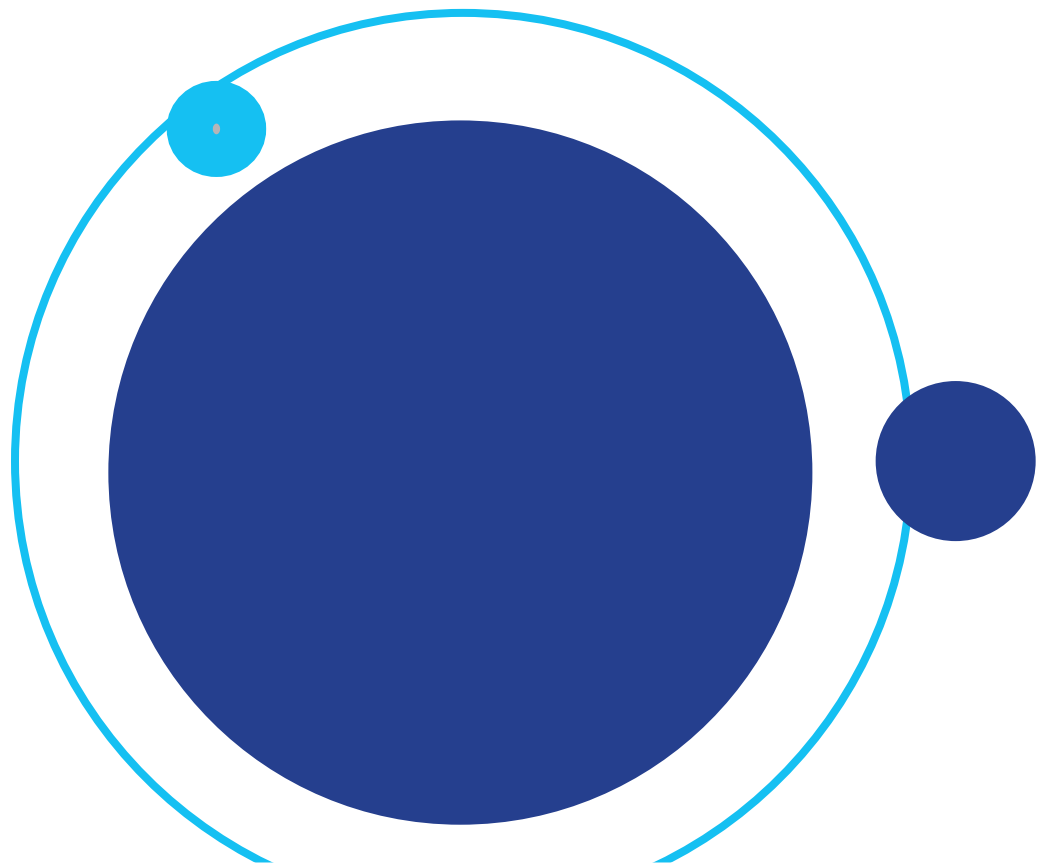


TẠO RA NHỮNG GIÁ TRỊ TỐT NHẤT



DAKRUCO

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN | 2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

www.dakruco.com



DAKRUCO

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

- THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- CÁC RỦI RO

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK



DAKRUCO

TẠO RA NHỮNG GIÁ TRỊ TỐT NHẤT

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6000175829 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, cấp thay đổi lần 6 ngày 01/10/2018.
- Vốn điều lệ: 1.558.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.558.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Số điện thoại: (0262) 3865015
- Số fax: (0262) 3865041
- Website: dakruco.com
- Mã cổ phiếu: DRG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk (DAKRUCO), tiền thân là Công ty Cao su Đắk Lắk thành lập tháng 3 năm 1993, trên cơ sở Liên hiệp các Xí nghiệp cao su Đắk Lắk thực hiện chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh theo Nghị định 388 của Chính phủ và được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV theo quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 23/09/2010 về việc Phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cao su Đắk Lắk thành Công ty TNHH MTV và Điều lệ Công ty kể từ tháng 01/2011.

Ngày 11/04/2018 Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk theo Quyết định số 739/QĐ-UBND

Ngày 31/07/2018 Công ty thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với kết quả:

- Tổng số lượng cổ phần đưa ra đấu giá công khai: 97.575.500 cổ phần
- Tổng khối lượng cổ phần bán được: 52.500 cổ phần

Ngày 04/09/2018 Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2139/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk.
Ngày 29/09/2018, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Ngày 01/10/2018 Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp thay đổi lần thứ 6 với mức vốn điều lệ là 1.558.000.000.000 đồng.

Ngày 08/05/2019 Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng.

Ngày 11/12/2019 Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Trồng cây cao su, Chế biến cao su, Mua bán mủ cao su; trồng cây ăn quả và bán các loại sản phẩm trái cây, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch.

Trồng cây cao su, Chế biến cao su, Mua bán mủ cao su

Sản phẩm chính của Công ty là mủ cao su, được chia làm 2 loại chính: Mủ latex và mủ cốm. Trong đó, mủ Latex dạng lỏng bao gồm dòng mủ HA (High Amoniac) và mủ LA (Low Amoniac), ứng dụng rộng rãi trong cuộc sống hằng ngày phục vụ cho các lĩnh vực y tế, kỹ thuật như sản xuất nệm, găng tay, keo dán, bong bóng. Trong khi đó, mủ cốm ở dạng khối có 03 dòng chính bao gồm dòng có độ mềm dẻo và có tính bám dính phục vụ để sản xuất dây thun, keo dán, mặt hông lốp xe, mặt vợt bóng bàn như, SVR CV 60, SVR 10 CV; dòng có độ đàn hồi và mài mòn cao phục vụ cho lĩnh vực sản xuất lốp xe ô tô, dây đai, cáp dây điện như SVR 3L và dòng có tính cứng phục vụ trong công nghiệp sản xuất lốp xe như SVR 10. Ngoài ra Công ty còn có nhà máy sản xuất sợi chỉ thun cao su phục vụ cho công nghiệp dệt may. Quy trình sản xuất của Công ty Dakruco qua hoạt động trồng, khai thác, chế biến được chuẩn hóa theo quy trình ISO 9001-2014 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14000-2015.

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào Công ty chủ yếu từ các chi nhánh nông trường và thu mua ngoài. Trong đó chủ yếu là sản lượng từ vườn cây cao su Công ty đang quản lý nên tính ổn định tương đối cao, sản phẩm mủ cao su của Công ty đã được cấp chứng nhận nhãn hiệu Cao su Việt Nam bởi Hiệp hội Cao su Việt Nam.

Trồng cây ăn quả và bán các sản phẩm trái cây

Tháng 5/2019, Công ty đã đầu tư một khu sản xuất tập trung trên 150 ha trồng các loại cây mít siêu trái, sầu riêng và trên đó trồng xen chuối, chanh dây theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm đã được thu hoạch và xuất bán từ tháng 3/2020 là chuối và chanh dây, cả hai loại này đều được cấp chứng nhận VietGAP và đang làm thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hoá.

Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch

Công ty có tổ hợp Khách sạn Dakruco được xây dựng trên tổng diện đất 2,7 ha, bao gồm: Khách sạn 4 sao, cao 11 tầng, quy mô 114 phòng; khách sạn 3 sao, cao 3 tầng, quy mô 31 phòng; nhà hàng tiệc cưới 2 tầng, sức chứa 1.000 khách; các tiện ích giải trí khác gồm: hồ bơi, sân tennis

SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



SVR 3L



SVR CV60



SVR CV50



SVR 10



SVR 20



Chỉ sợi cao su

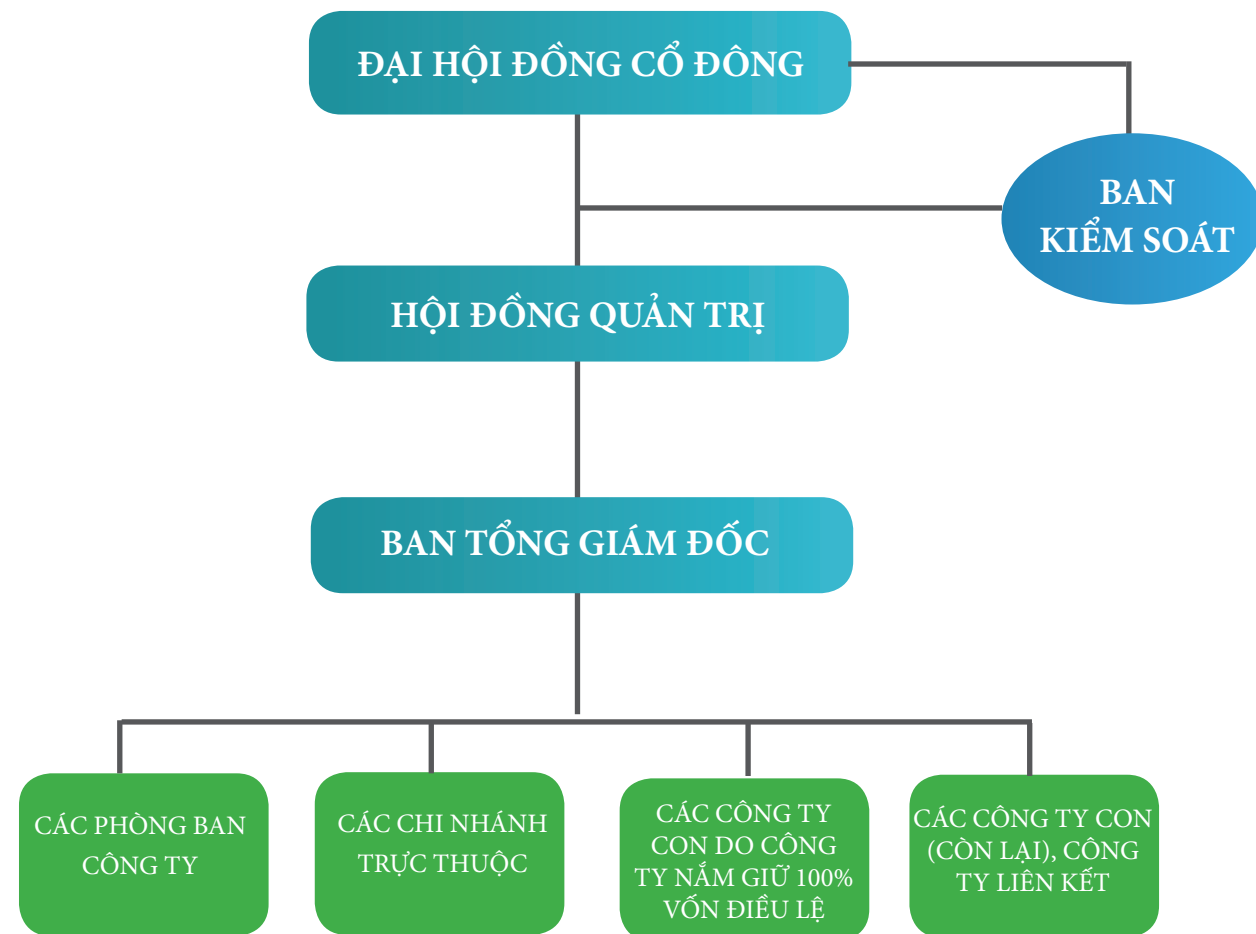




- Trụ sở chính Công ty đặt tại Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, hoạt động kinh doanh chủ yếu trong khu vực địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Vườn cao su được trồng chủ yếu tại các huyện Cư Mgar, Cư Kuin, Krông Buk, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, và Vương quốc Campuchia (Công ty TNHH Phát triển cao su Đắk Lắk Monodolkiri)

- Sản phẩm mủ và sợi chỉ thun cao su được xuất bán đi các nước Mỹ, Đức, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, Bỉ, Ấn Độ, Hàn quốc, Malaysia, Singapore, Đài loan, Trung quốc,... và thị trường nội địa.
- Vườn cây ăn quả được trồng tại xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk; sản phẩm bán đầu xuất bán thị trường nội địa, Trung Quốc, Hàn Quốc và Châu Âu.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Các Đơn vị trực thuộc:

Công ty có 09 chi nhánh đang hoạt động gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường 19-8;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk -Nông trường CưMgar;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk -Nông trường Cuôr Đăng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk -Nông trường Phú Xuân;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk -Nông trường Cư Bao;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk -Nông trường CưKpô;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Nhà máy Chế biến mủ cao su;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Khách sạn Dakruco;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Nhà máy Chế biến chỉ thun.

Các Công ty con, Công ty liên kết: Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty có 03 Công ty con là Công ty Phát triển Cao su Đắk Lắk Mondolkiri (tại Vương quốc Campuchia), Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco và Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; 04 Công ty liên kết là CTCP Kỹ Thuật Cao su, CTCP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Cao su Thái Dương và Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk.

Trong đó: Công ty Phát triển Cao su Đắk Lắk Mondolkiri (tại Vương quốc Campuchia) là Công ty con do Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Danh sách công ty con:

- 01** Công ty Phát triển Cao su Đắk Lắk Mondolkiri (tại Vương quốc Campuchia)

 - Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Inv.1513E/2009
 - Địa chỉ: Thôn Chây sen, Xã Monorum, TP. Senmonorum, tỉnh Mondulkiri, Campuchia
 - Điện thoại: 00855977396769
 - Vốn điều lệ: 24.972.000 USD
 - Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 100%
 - Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc và khai thác cao su...
- 02** Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco

 - Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6400128534
 - Địa chỉ: Thôn 13, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.
 - Điện thoại: 0262379939
 - Vốn điều lệ: 35 tỷ đồng
 - Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 73,4%
 - Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su ...
- 03** Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

 - Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6001271719
 - Địa chỉ: Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
 - Điện thoại: 02623865303
 - Vốn điều lệ: 732 tỷ đồng
 - Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 66,6%
 - Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su ...

Danh sách Công ty liên kết

- 01** Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Cao su

 - Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
 - Địa chỉ: Km 18 – Thôn Đoàn Kết – Xã Ea D’Rơng – Huyện Cư M’gar- Tỉnh Đắk Lắk
 - Vốn điều lệ: 22,5 tỷ đồng
 - Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 28,79%
 - Hoạt động kinh doanh chính: dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
- 02** Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk

 - Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000692721
 - Địa chỉ: Km 19, quốc lộ 14, Xã Ea D-Rong, Huyện Cư M’gar, Tỉnh Đắk Lắk
 - Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 45,13%
 - Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
- 03** Công ty cổ phần cao su Thái Dương :

 - Địa chỉ : Lô số 4, đường số 7, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM
 - Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 12,5%
 - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật cao, sản phẩm mềm dẻo chống thất thoát nước, đồ chơi an toàn cho thú cưng từ sản phẩm mủ cao su thiên nhiên.
- 04** Quỹ tín dụng nhân dân cao su Đắk Lắk :

 - Địa chỉ : 03 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
 - Vốn điều lệ : 55.285.439.488 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty này: 11,38 %



Các mục tiêu chủ yếu

- Xây dựng Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu sản xuất kinh doanh, sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường. Mở rộng ngành nghề sản xuất đa dạng sản phẩm cây trồng tạo chuỗi liên kết cung ứng bền vững. Xây dựng và thực hiện lộ trình phát triển cao su bền vững, đảm bảo sản phẩm mủ cao su của Công ty sẽ tiêu thụ ổn định tại các thị trường Mỹ, Châu Âu một cách ổn định; phát triển các sản phẩm trái cây theo hướng ứng dụng công nghệ cao, theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và được cấp chứng nhận xuất xứ hàng hoá để việc tiêu thụ ổn định, có hiệu quả.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý và kinh doanh giỏi;
- Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế năng động cho doanh nghiệp.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn lực, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh, xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp mạnh phát triển toàn diện trong lĩnh vực cao su và cây ăn trái. Phát triển Công ty theo hướng bền vững.
- Về sản phẩm: Phát triển đa dạng hóa sản phẩm, ưu tiên cho việc phát triển các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có tính công nghệ, kỹ thuật cao. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là sản phẩm mà Công ty có tiềm năng và lợi thế, đặc biệt là các loại cây ăn quả.
- Tập trung nguồn lực, phát triển ngành nghề kinh doanh chính và phát triển các loại hình dịch vụ, các loại hình kinh doanh mới. Tiếp tục đầu tư và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận.
- Liên kết đối tác chiến lược có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết nội khối tạo nhiều cơ hội, tạo nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp, văn hóa doanh nghiệp.
- Đào tạo và xây dựng một đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Công ty có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức lối sống tốt.
- Cùng với các tổ chức Đảng, đoàn thể chăm lo thật tốt đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên Công ty, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng để đưa Công ty từng bước vững mạnh hơn so với trước đây.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Dakruco chú trọng việc cải tiến công nghệ, nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị để tăng hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, tất cả các vườn cây, các nhà máy chế biến đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư. Tiếp tục duy trì việc thực hiện tiêu chuẩn ISO 14.000-2015 cho toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của tất cả các loại sản phẩm.



- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm, luôn chấp hành tốt và có những hành động thiết thực với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.
- Hoàn thiện chế độ lương thưởng, thù lao, chính sách xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Khuyến khích sự tham gia của tất cả cá nhân vào các hoạt động tình nguyện cũng như định hướng, thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững.
- Chăm lo đời sống của người lao động, với gần 3.000 lao động tại Việt Nam và trên 400 lao động tại Mondulkiri – Campuchia. Tích cực tham gia các hoạt động xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tại địa phương; hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn trong số người lao động của Công ty; phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ buôn đồng bào dân tộc thiểu số và đồn biên phòng được kết nghĩa; hỗ trợ các địa phương có thiên tai, dịch bệnh...



- Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty, duy trì việc thực hiện tiêu chuẩn ISO 14.000-2015 và từng bước xây dựng lộ trình thực hiện phát triển cao su bền vững, tiến tới được cấp chứng chỉ FSC cho sản phẩm mủ và gỗ cao su.
- Quan tâm đời sống của công nhân viên, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội,...
- Phát triển đi đôi với trách nhiệm bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
- Đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải để bảo vệ môi trường sống cho sinh vật và cộng đồng dân cư xung quanh.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Mọi ngành nghề, mọi doanh nghiệp của Việt Nam đều chịu ảnh hưởng bởi sự tác động của diễn biến tình hình kinh tế chung thế giới. Dakruco là doanh nghiệp có doanh thu xuất khẩu chiếm 1/2 tổng doanh thu bán hàng, do đó những biến động về kinh tế, lãi suất, thương mại của thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ của các thị trường nước ngoài và các hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty.

Năm 2019, tốc độ tăng trưởng kinh tế của nhiều quốc gia lớn trên thế giới đều chậm lại do mối lo ngại từ chiến tranh thương mại Mỹ-Trung và hàng loạt các biện pháp phòng vệ thương mại được hình thành, đặc biệt giá mủ cao su vẫn còn đang trong vùng giá thấp, trong khi đó vườn cây của Công ty đang trong giai đoạn cuối chu kỳ kinh doanh, năng suất và sản lượng ngày càng thấp, giá thành sản phẩm mủ cao. Điều này đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của DRG chịu ảnh hưởng từ cung cầu thị trường, đặc biệt là tại những thị trường

tiêu thụ mủ cao su, sợi chỉ thun chính như: Mỹ, Châu Âu, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ,Chỉ cần sự thay đổi về chiến lược của các quốc gia trên cũng sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của DRG. Để hạn chế được rủi ro kinh tế, Công ty chủ động tìm hiểu thị trường, nghiên cứu và cải thiện các sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng để đẩy mạnh doanh thu. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến thương mại, các chính sách kinh tế trong và ngoài nước, nhất là tại các nước đối tác của Công ty để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Dakruco đang trong giai đoạn tái đầu tư, thanh lý và trồng mới lại vườn cây cao su, với gần 4.400 ha; đầu tư 150 ha cây ăn quả theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tuy nhiên nguồn vốn đầu tư đang gặp nhiều khó khăn, do việc tiếp cận các nguồn vốn vay không thuận lợi. Công ty đang tập trung xử lý bằng nhiều giải pháp, tăng thu nhập khác từ ngoài khoản thu nhập từ kinh doanh chính để đảm bảo việc tái đầu tư và đầu tư mới.

Rủi ro tỷ giá

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất cao su. Với 1/2 nguồn thu của Công ty đến từ hoạt động xuất khẩu và thị trường chiến lược của Công ty chủ yếu tại các quốc gia khu vực Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc... Do đó sự biến động tỷ giá là mối quan tâm hàng đầu của Dakruco. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay khi nền kinh tế chung thế giới đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại và tình hình chính trị trở nên bất ổn hơn bao giờ hết. Điều đó khiến tỷ giá càng biến động khó lường và việc dự đoán tỷ giá cũng trở nên khó khăn hơn.

Công ty luôn chủ động theo dõi diễn biến tỷ giá trên thị trường để kịp thời điều chỉnh chính sách và kế hoạch kinh doanh nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra. Đồng thời, Công ty cũng đa dạng hóa các thị trường, ký kết các hợp đồng dài hạn để giảm thiểu rủi ro tác động.

Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCOM) nên Công ty chịu sự quản lý từ các quy định pháp lý như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, cũng như các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty con đặt tại Campuchia, còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý tại Quốc gia này, nhưng hệ thống pháp luật Campuchia thiếu tính ổn định, nên tìm ẩn những rủi ro nhất định. Do đó, Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng để kịp thời đáp ứng khi có những thay đổi chính sách pháp lý.

Ngoài ra, Công ty còn xuất khẩu các sản phẩm đến các nước, điển hình như: Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ,... nên Công ty còn chịu sự ảnh hưởng bởi Luật xuất nhập khẩu và các chính sách, quy định tại các quốc gia nói trên.

Rủi ro về lãi suất

Năm 2019, xu hướng nới lỏng tiền tệ diễn ra ở nhiều quốc gia nhằm kích thích kinh tế do ảnh hưởng của xung đột thương mại. Bên cạnh đó, FED đã quyết định cắt giảm lãi suất 3 lần, hiện xuống mức 1,5%-1,75%/ năm. Đây là một dấu hiệu tích cực cho các doanh nghiệp nói chung và DRG nói riêng, giúp công ty giảm thiểu áp lực lãi vay, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm.

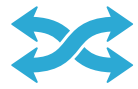
Công ty đang trong giai đoạn đầu tư với gần 4.400 ha cao su trồng mới và KTCB, 150 ha cây ăn quả theo hướng ứng dụng công nghệ cao, đang dùng vốn tự có. Tuy nhiên, nguồn vốn vay đầu tư trước đây còn khá lớn, cũng như nguồn vay ngắn hạn cũng lớn, nên vốn vay chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu vốn của DRG. Năm 2019, nợ vay chiếm gần 30% trong cơ cấu tổng nguồn vốn của DRG (Theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ), do đó biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhận biết được vấn đề này, DRG luôn quan tâm đến việc kiểm soát và duy trì tỷ lệ nợ ở mức hợp lý nhằm hạn chế những tác động của lãi suất nợ vay đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Rủi ro tự nhiên

Đặc thù ngành nông nghiệp luôn gắn liền với thiên nhiên, biến đổi khí hậu, dịch bệnh,...các rủi ro này luôn tiềm ẩn và có khả năng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, cao su là ngành sản xuất đặc biệt khi sản lượng và năng suất phụ thuộc khá nhiều vào giống cây, điều kiện thổ nhưỡng ở từng khu vực....Tuy nhiên các nông trường cao su và công ty con của Dakruco đặt tại các vị trí có điều kiện thời tiết thuận lợi, ít chịu tác động bởi bão phù hợp với sự phát triển của cây cao su; vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khá thuận lợi về đất đai, nước và tiểu khí hậu...

Để hạn chế những ảnh hưởng từ rủi ro tự nhiên tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Dakruco đang từng bước hướng tới xây dựng quy trình thực hiện sản xuất cao su và trái cây xuất khẩu bền vững, nhằm đuổi kịp xu hướng thị trường, giảm thiểu tác động môi trường và gia tăng lợi ích cũng như cơ hội kinh doanh trong sản xuất kinh doanh.



Rủi ro đặc thù

Đặc thù của ngành sản xuất cao su ở Việt Nam nói chung và Dakruco nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào giá cao su trên thế giới, trong khi giá cao su thế giới lại phụ thuộc nhiều vào tình hình cung cầu, tăng trưởng kinh tế toàn cầu, giá dầu thô, Chính sách tiền tệ của các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật, dự trữ cao su của Trung Quốc, địa chính trị,.....

Trung Quốc là nước tiêu phụ khoảng 40% sản lượng cao su thế giới, hiện nay giữa Mỹ và Trung Quốc đang bất đồng về chính sách thương mại, trong số các mặt hàng được đưa vào áp thuế nhập khẩu vào Mỹ có sản phẩm là lớp xe ảnh hưởng đến tính kinh doanh chung của ngành cao su, mặt khác sự yếu đi của đồng Nhân dân tệ và mạnh lên của đồng Đô la Mỹ đều có tác động tiêu cực đến giá cao su. Do vậy Công ty đang có lộ trình phát triển cao su bền vững để đảm bảo thị trường ổn định, giá cả tốt hơn.

Đối với sản phẩm trái cây, xuất khẩu sang một số thị trường như Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia, Châu Âu... thường không ổn định theo mùa, nhất là thị trường Trung Quốc. Từ tình hình đó Công ty đã tổ chức sản xuất theo các quy trình VietGAP, GlobalGAP, đến nay hai sản phẩm chuối và chanh cây đã được cấp chứng nhận VietGAP; Công ty đang làm thủ tục để chứng nhận xuất xứ hàng hoá, nhằm đảm bảo sản phẩm xuất bán vào các thị trường có giá cả tốt và ổn định.

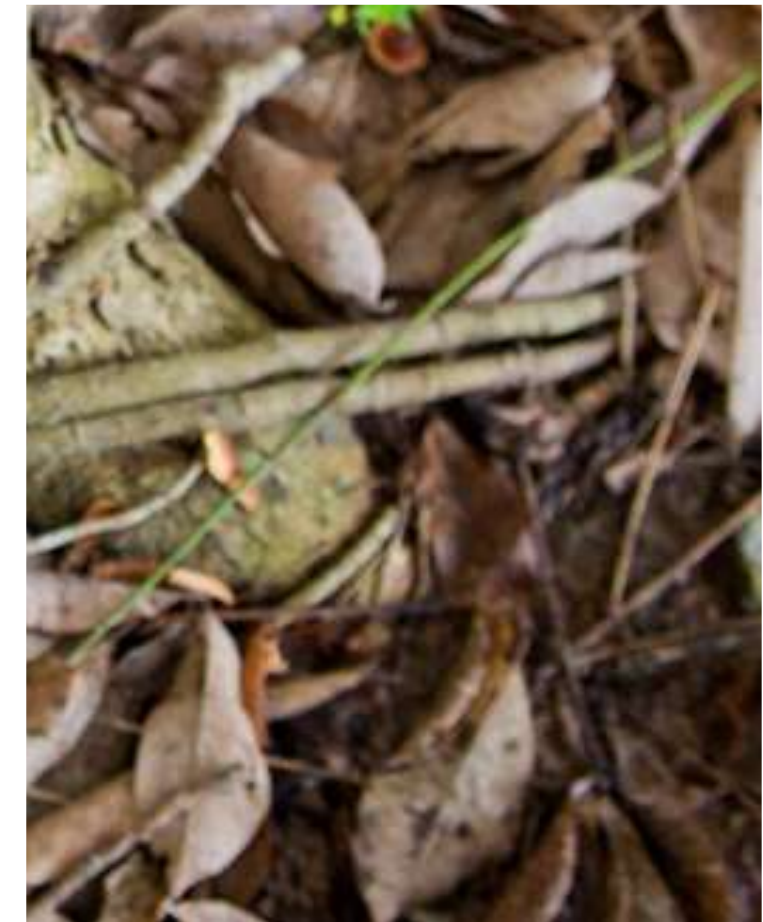
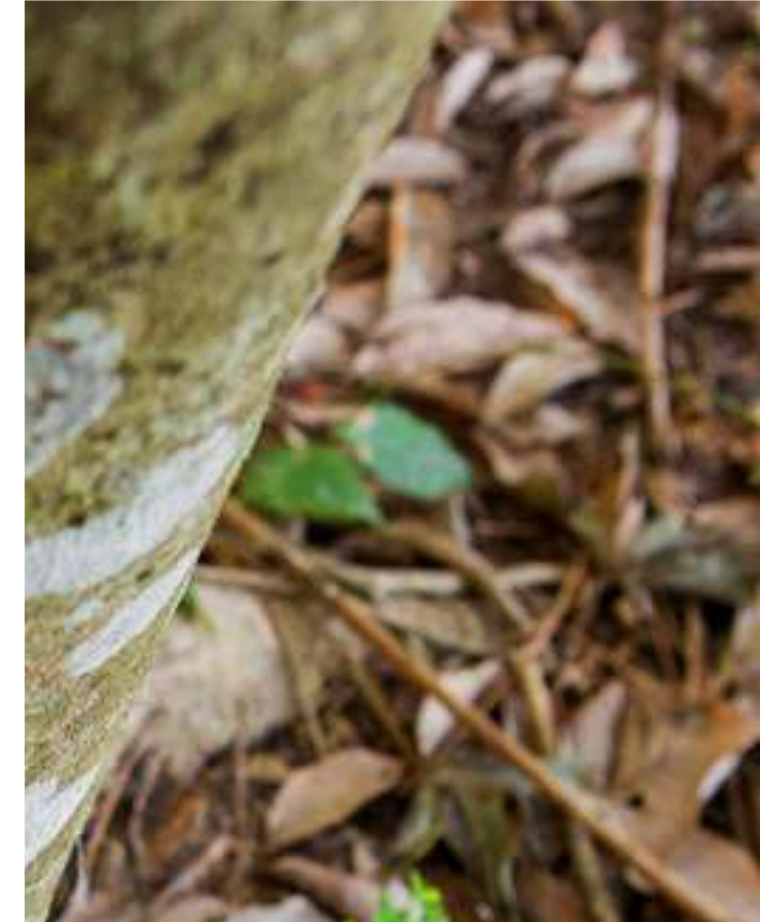


Rủi ro môi trường

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Dakruco luôn ý thức được trách nhiệm đối với môi trường xung quanh. Công ty luôn đảm bảo đáp ứng được những tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh; duy trì và phát triển để phù hợp với hệ thống quản lý môi trường đã được chứng nhận. Trong quá trình hoạt động, việc xử lý các phế phẩm, rác thải cũng như tái sử dụng, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng như thế nào để tránh gây ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động cũng như cộng đồng dân cư là một vấn đề được đặt lên hàng đầu.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, bảo trì và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản theo đúng quy định. Tình hình hoạt động năm





PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- TỔ CHỨC NHÂN SỰ
- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk là một trong những Doanh nghiệp đầu ngành cao su với tổng diện tích cao su hiện đang quản lý gần 20.000 ha cao su thiên nhiên (bao gồm cả công ty con 100% vốn tại Campuchia và Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk với tỉ lệ sở hữu 66,6%). Thị trường tiêu thụ tương đối rộng cả trong và ngoài nước. Với nhiều kinh nghiệm lâu đời trong việc chế biến các sản phẩm mủ cao su như SVR3L, SVR10, SVRCV60, SVR 20, SVR 5 và Latex Ha, chất lượng sản phẩm luôn phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn về cao su thiên nhiên và khẳng định được thương hiệu trên thị trường trong nước và thế giới. Bên cạnh đó 04 sản phẩm: SVR 3L, SVR 10, SVR CV60 và Latex HA, luôn luôn được Hiệp hội cao su đánh giá cao và duy trì cấp giấy chứng nhận Nhãn hiệu cao su Việt Nam. Tháng

5/2019, Công ty đã đầu tư trồng cây ăn quả, với gần 130 ha theo hướng ứng dụng công nghệ cao, tháng 3/2020 đã có sản phẩm chuối và chanh dây xuất bán.

Kể từ ngày 01/10/2018, Công ty chính thức chuyển từ hình thức Công ty TNHH MTV sang hình thức Công ty cổ phần. Do đó, số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Cao Su Đắk Lắk được tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019. Trong khi đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 được xác định trong khoảng thời gian từ 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018. Điều này làm cho các chỉ tiêu tài chính dùng để so sánh trở nên ít có ý nghĩa trong giai đoạn này.



**Lợi nhuận sau thuế
2019**
đạt 23,39 tỷ đồng, tăng
53,08% so với cùng kỳ

Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	TH 2019	KH 2019	(%) TH/KH 2019
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	129,43	378,59	489,07	77,41
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	124,99	337,80	303,46	111,32
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	(22,47)	(51,52)	(49,95)	103,14
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	28,12	74,91	65,23	114,84
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,65	23,39	15,28	153,08
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,05	23,39	15,28	153,08

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	TH 2019
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	301,55	957,97
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	289,29	981,51
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	4,39	(32,93)
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	34,91	83,93
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	39,29	51,00
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	31,25	35,79

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Do Công ty vừa chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần nên việc so sánh, đánh giá các chỉ tiêu tài chính năm nay so với các năm trước vẫn chưa được đồng nhất. Tổng kết hoạt động Công ty mẹ năm 2019, doanh thu thuần vượt kế hoạch 11,32% khi đạt 337,80 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 23,29 tỷ đồng, đạt 1,5 lần so với kế hoạch đề ra. Năm vừa qua, vườn cây cao su khai thác chủ yếu đã già cỗi năng suất kém; tình hình dịch bệnh phát sinh ngay từ đầu vụ khai thác, giá cao su trên thị trường thế giới liên tục biến động giảm do cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã tác động đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 51,52 tỷ đồng. Tuy nhiên, nguồn thu từ việc thanh lý cây cao su, cho thuê đất trồng xen trên vườn cao su trồng mới và KTCB; cũng như khoản thu nhập bất thường từ việc đền bù khi nhà nước thu hồi đất, đã giúp cho lợi nhuận sau thuế đạt 23,29 tỷ đồng (tăng 53,08% so với kế hoạch đề ra).



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018		Năm 2019	
			01/10/2018-31/12/2018		01/01/2019-31/12/2019	
			Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán mủ cao su	Triệu Đồng	110.712	88,58%	232.496	68,83%
2	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	Triệu Đồng	6.216	4,97%	26.345	7,80%
3	Doanh thu sản phẩm chỉ thun, vật tư khác	Triệu Đồng	-	-	47.531	14,07%
4	Doanh thu cho thuê đất trồng xen	Triệu Đồng	7.755	6,20%	31.254	9,25%
5	Doanh thu hoạt động khác	Triệu Đồng	306	0,25%	176	0,05%
	Tổng cộng	Triệu Đồng	124.989	100%	337.802	100%

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

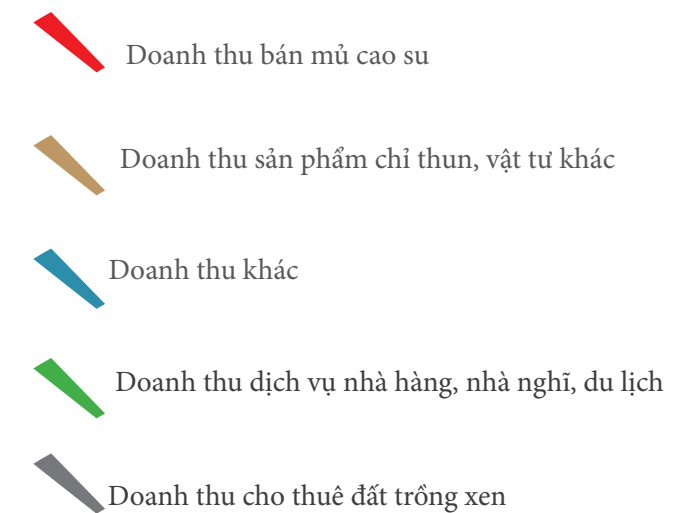
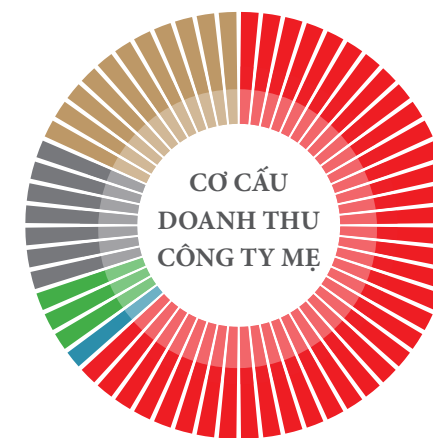
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018		Năm 2019	
			01/10/2018-31/12/2018		01/01/2019-31/12/2019	
			Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán mủ cao su	Triệu Đồng	266.439	92,10%	837.457	87,42%
2	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	Triệu Đồng	6.216	2,15%	26.345	2,75%
3	Doanh thu vật tư khai thác	Triệu Đồng	145	0,05%	-	-
4	Doanh thu hoạt động khác	Triệu Đồng	306	0,11%	207	0,02%
5	Doanh thu sản phẩm chỉ thun	Triệu Đồng	9.066	3,13%	62.705	6,55%
6	Doanh thu cho thuê đất trồng xen	Triệu Đồng	7.118	2,46%	31.255	3,26%
	Tổng cộng	Triệu Đồng	289.290	100,00%	957.969	100,00%

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Căn cứ vào Báo cáo tài chính Công ty mẹ, doanh thu thuần năm 2019 của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán mủ cao su, chiếm đến hơn 68,83% tương đương với 232,496 triệu đồng. Doanh thu từ sản phẩm chỉ thun chiếm tỷ trọng thứ 2 khi đạt 47.531 triệu đồng tương đương 14,03% cơ cấu doanh thu. Hai khoản mục doanh thu dịch vụ du lịch và nguồn thu từ các hợp đồng đất trồng xen trong vườn cao su trong giai đoạn đầu tư không chiếm tỷ trọng lớn nhưng ổn định qua các năm, lần lượt đạt 7,80% và 9,25% trong cơ cấu doanh thu.

Bên cạnh đó, dù tỷ trọng trọng doanh thu còn chưa đáng kể, các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao cũng đang được Công ty chú trọng tăng cường phát triển. Với định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng dụng phát triển Nông nghiệp theo hướng công nghệ cao nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất đai. Trong năm 2019 Dakruco đã chuyển đổi thực hiện trồng các loại cây trồng như chuối, chanh leo, mít, sầu riêng trên diện tích 157,52 ha nhằm đa dạng hóa nguồn thu trong thời gian tới.

Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ năm 2019



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Đầu tư dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Cư Bao:** Dự án này được triển khai với tổng vốn đầu tư là 147,39 tỷ đồng chủ yếu trồng các loại cây ăn trái như: Mít, bơ, sầu riêng và chuối ứng dụng công nghệ cao, với diện tích trên 130 ha. Đến ngày 31/12/2019, đã thi công xong và đấu nối hệ thống điện lưới phục vụ cho dự án đã hoàn chỉnh; Hệ thống tưới nhỏ giọt đã thi công xong và đang hoàn chỉnh hệ thống điều khiển trung tâm; nhà kho sơ chế đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Nhìn chung, các hạ tầng phục vụ cho vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Công ty đảm bảo phục vụ sản xuất ban đầu như sau:
- Đầu tư hạ tầng: Đã thi công xong và đấu nối hệ thống điện lưới phục vụ cho dự án đã hoàn chỉnh; Hệ thống tưới nhỏ giọt đã thi công xong và đang hoàn chỉnh hệ thống điều khiển trung tâm; nhà kho sơ chế đã hoàn thành và đưa vào sử dụng... Nhìn chung, các hạ tầng phục vụ cho dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Công ty đảm bảo phục vụ sản xuất ban đầu..
 - Đối với diện tích hơn 26 ha còn lại, chưa triển khai thực hiện được do đối tác chưa cắt cây cao su thành lý bàn giao mặt bằng chậm và dự kiến sẽ triển khai đầu tư loại chuối Cavendish vào quý 2 năm 2020.
 - Tổng vốn đã giải ngân để đầu tư vào dự án này đến 31/12/2019 là 37,71 tỷ đồng/147,39 tỷ đồng
 - Cây trồng nông nghiệp dài ngày đã trồng xong đang trong giai đoạn chăm sóc:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Khối lượng/ diện tích	Giá trị đầu tư trong năm (Triệu đồng)	Suất đầu tư (triệu đồng/ ha)
1	Vườn Sầu riêng	Ha	74,70	6.285,44	84,14
2	Vườn mít	Ha	50,05	4.923,46	98,37
3	Vườn chuối	Ha	100,05	11.964,09	119,58
4	Vườn chanh dây	Ha	24,70	4.788,79	193,88
5	Vườn cau	Cây	18.250,00	188,01	-
6	Vườn chắn gió	Cây	28.000,00	95,96	-
TỔNG CỘNG				28.245,75	



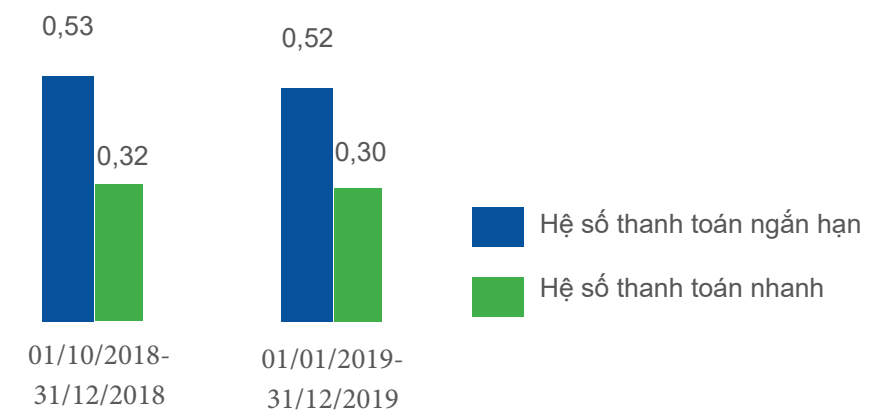
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thời gian 01/10/2018-31/12/2018	Thời gian 01/01/2019-31/12/2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,53	0,52
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,32	0,30
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,41	0,39
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,70	0,63
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,48	5,20
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,09	0,30
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	10,80	3,74
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	1,61	1,84
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,93	1,11
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,52	-

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2019

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

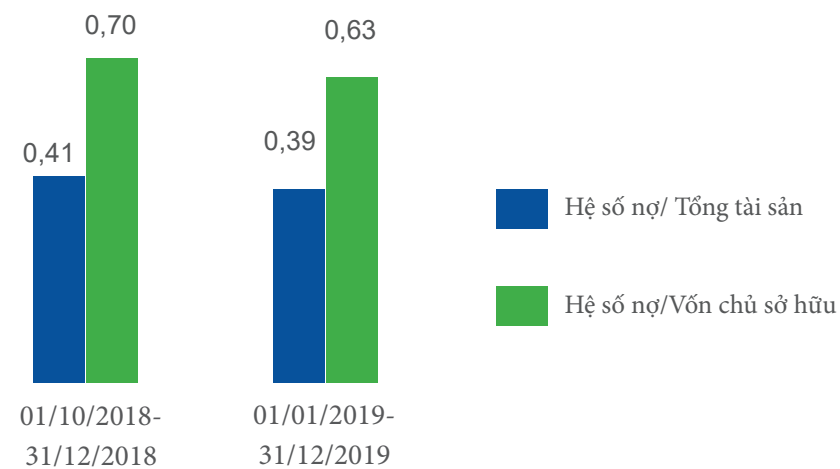
Các hệ số thanh toán năm 2019 có xu hướng đi xuống so với năm trước, lần lượt đạt các mức 0,52 lần và 0,30 lần. Trong khi hệ số thanh toán ngắn hạn gần như đi ngang khi chỉ giảm nhẹ 0,1 lần so với mức 0,45 lần năm 2018 thì hệ số thanh toán nhanh có sự biến động nhỉnh hơn khi giảm từ 0,32 lần xuống 0,30 lần



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Dakruco năm vừa qua không có nhiều biến động, khi hệ số Nợ/ Tổng tài sản năm 2019 ở mức 0,39 lần so với 0,41 lần năm 2018; hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2019 đạt 0,63 lần giảm nhẹ 0,07 lần so với năm 2018 từ các chỉ tiêu cho thấy tuy chưa có sự thay đổi lớn nhưng thể hiện sự khó khăn được giảm bớt, dần ổn định và hồi phục



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 được xác định trong khoảng thời gian từ 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018, trong khi số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 được tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019. Do đó việc so sánh sự biến động số liệu không mang nhiều ý nghĩa. Trong năm 2019, vòng quay hàng tồn kho đạt 5,20 vòng và vòng quay tổng tài sản đạt 0,30 vòng.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Do số liệu lũy kế giữa hai năm không đồng nhất về số tháng trong năm tài chính nên việc thực hiện so sánh giữa những chỉ tiêu này không mang lại nhiều ý nghĩa. Tổng kết năm 2019, hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu đạt 1,84% còn hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản đạt 1,11%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần (tại ngày 31/12/2019)

- » Vốn điều lệ: 1.558.000.000.000 đồng
- » Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 155.800.000 cổ phiếu
- » Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- » Cổ phiếu phổ thông: 155.800.000 cổ phiếu
- » Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 155.800.000 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I	Cổ đông trong nước	1.462	155.795.500	99,9971%
1	Tổ chức	1	154.141.600	98,9356%
2	Cá nhân	1.461	1.605.900	1,0307%
II	Cổ đông nước ngoài	4	4.500	0,0029%
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	4	4.500	0,0029%
Tổng cộng		1.466	155.800.000	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	154.141.600	98,94%

- » Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: **Không có**
- » Giao dịch cổ phiếu quỹ: **Trong năm 2019, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ**
- » Các chứng khoán khác: **Không có**

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Bùi Quang Ninh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Độ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
4	Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
5	Bà Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT
7	Ông Đỗ Văn Định	Thành viên HĐQT



Ông Nguyễn Viết Tượng
Chủ tịch HĐQT,

- Sinh năm : 01/01/1965
- Trình độ chuyên môn:
 - + Thạc Sỹ Lâm Sinh;
 - + Cử nhân kinh tế công nghiệp.
- Kinh nghiệm: Ông có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp, 15 năm kinh nghiệm trong quản lý nhà nước, đã kinh qua các chức vụ : Thư ký bí thư tỉnh ủy, bí thư huyện, giám đốc Sở Kế hoạch Đầu tư, Bí thư thành ủy Thành phố Buôn Ma Thuột. 04 năm là Chủ tịch HĐQT DRI và chủ tịch Dakruco.
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
 - + Chủ tịch CTCP Cao su Daknoruco;
 - + Chủ tịch Công ty Phát triển Cao su Đắk Lắk Mondolkiri;
 - + Chủ tịch CTCP Kỹ thuật Cao su;



Ông Bùi Quang Ninh
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Sinh năm : 10/08/1966
- Là thành viên HĐQT từ tháng 10/2018;
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Kinh nghiệm: 7 năm là Kế toán viên, 03 năm là Kế toán trưởng đơn vị, 12 năm Phụ trách công tác kế toán, Kế toán trưởng Dakruco, 02 năm là Kiểm soát viên nhà nước , Trưởng ban Kiểm soát Dakruco, từ tháng 6/2012 đến nay là phó chủ tịch HĐQT DRI từ 6/2015 đến nay là Tổng Giám đốc Dakruco.
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Cao su
 - + Chủ tịch HĐQT CTCP Gỗ cao su Đắk Lắk
 - + Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk



Ông Nguyễn Trần Giang
Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

- Sinh năm : 16/04/1981
- Là thành viên HĐQT từ tháng 05/2019
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán;
 - + Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng.
- Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm 16 năm làm công tác kế toán, đã kinh qua 07 năm là Nhân viên kế toán, 7 năm Phụ trách công tác kế toán, tài chính Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk(Dakruco),
- Chức vụ tại tổ chức khác: không



Ông Nguyễn Độ
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm : 02/03/1966
- Là thành viên HĐQT từ tháng 05/2019;
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp
- Kinh nghiệm: Với nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cao su Từ tháng 10 năm 2018 đến nay, ông đảm nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Dakruco và đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị từ tháng 05/2019.
- Chức vụ tại tổ chức khác: không



Ông Nguyễn Văn Cúc
Thành viên HĐQT

- Sinh năm : 17/11/1969
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm 14 năm làm công tác pháp chế, nội chính; đã kinh qua 04 năm Phụ trách Phòng nhân sự Pháp chế – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Từ tháng 10/2018 đến nay Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng nhân sự Pháp chế - Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Ông Đỗ Văn Định
Thành viên HĐQT độc lập



- Sinh năm : 24/11/1966
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm: Ông đã kinh qua 09 năm làm việc tại Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk, 04 năm công tác tại phòng nhân sự Pháp chế – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Từ tháng 10/2018 đến nay là Thành viên HĐQT độc lập Dakruco.
- Chức vụ tại tổ chức khác: không

Ông Nguyễn Văn Nam
Thành viên HĐQT độc lập



- Sinh năm : 11/02/1968
- Trình độ chuyên môn: Phó Giáo sư – Tiến sĩ
- Kinh nghiệm: Ông có 16 năm kinh nghiệm làm Giảng viên Khoa Nông Lâm, Đại học Tây Nguyên. Từ 2019 đến nay là Phó hiệu trưởng Đại học Tây Nguyên. Từ tháng 10/2018 đến nay là Thành viên HĐQT độc lập Dakruco.,
- Chức vụ tại tổ chức khác: Phó hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng Ban
2	Phan Thanh Tân	Thành viên
3	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên

Ông Nguyễn Thạc Hoành
Trưởng Ban kiểm soát



- Sinh năm : 01/12/1966
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 28 năm trong lĩnh vực kế toán, trải qua các vị trí Kế toán trưởng đơn vị, Trưởng bộ phận Lao động-Tiền lương Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, từ tháng 06 năm 2012 đến tháng 10/2018 là Kiểm soát viên nhà nước tại Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk (Dakruco), Trưởng ban kiểm soát Công ty DRI từ 6/2012 đến nay và từ tháng 10/2018 đến nay là Trưởng ban kiểm soát Dakruco,
- Chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; Công ty TNHH MTV Chi thun Cao su Đắk Lắk; Công Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk.

Ông Phan Thanh Tân
Thành viên HĐQT



- Sinh năm : 01/11/1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Kinh nghiệm: Ông đã có kinh nghiệm hơn 27 năm trong lĩnh vực kế toán, đã kinh qua các vị trí Kế toán trưởng, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk (Dakruco), từ tháng 10/2018 đến nay là Thành viên Ban kiểm soát Dakruco
- Chức vụ tại tổ chức khác: Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Văn Thảo
Thành viên HĐQT



- Sinh năm : 18/06/1975;
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế;
- Kinh nghiệm Ông có kinh nghiệm hơn 17 năm về lĩnh vực kế toán, đã kinh qua các vị trí từ nhân viên kế toán, kế toán trưởng, từ tháng 04/2019 đến nay là Thành viên Ban kiểm soát Dakruco
- Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm Công ty giảm một Phó Tổng giám đốc (Ông Nguyễn Huy Hùng), do nghỉ việc.
Số lượng cán bộ công nhân viên: Tính đến 31/12/2019, tổng số lao động của Công ty là 2.924 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	2.988	100,00%
1	Trên đại học	9	0,3%
2	Trình độ đại học	212	7,25%
3	Trình độ cao đẳng	31	1,06%
4	Trình độ trung học	57	1,95%
5	Trình độ sơ cấp	15	0,51%
6	Lao động qua đào tạo	2.077	73,03%
III	Theo giới tính	2.924	100,00%
1	Nam	1.262	43,16%
2	Nữ	1.662	56,84%

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	6.120.000	5.147.000	6.290.000

Chính sách nhân sự

Chính sách đào tạo

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Các nhân viên mới tại Công ty được hướng dẫn, đào tạo bài bản và chuyên nghiệp về nghiệp vụ, kỹ năng làm việc. Công ty luôn tạo điều kiện học tập tốt nhất để các nhân viên thích ứng một cách nhanh nhất với môi trường làm việc mới. Công ty khuyến khích người lao động học thêm ngoài giờ làm việc chuyên môn để nâng cao năng lực làm việc tại Công ty, bằng cách:

- Tạo điều kiện về thủ tục cần thiết để đi học được thuận lợi;
- Dành một khoảng thời gian nhất định để người lao động tham gia học tập, tập huấn nghiệp vụ; đào tạo nghề (chủ yếu là thời rảnh);
- Cán bộ được cử đi học, nghiên cứu và đào tạo nghề cho công nhân, nguồn kinh phí được Công ty chi trả 100%.



Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng

Chất lượng nhân sự quyết định sự thành bại của doanh nghiệp và con người là nhân tố đóng vai trò quan trọng trong tổ chức. Nhận thức được điều này, Công ty luôn chú trọng đến chính sách tuyển dụng nhân sự. Tuyển dụng người tài, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, coi con người là trọng tâm chính là những mục tiêu hàng đầu của Công ty. Các chính sách về nhân sự luôn đảm bảo điều kiện làm việc và các chế độ phúc lợi, đãi ngộ tốt nhất cho cán bộ, nhân viên.

Chính sách tuyển dụng: Kế hoạch tuyển dụng: Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự.

Thông báo tuyển dụng: Các yêu cầu tuyển dụng của Công ty trước hết sẽ được đăng tải trên Website của Công ty và trên các trang Thông tin điện tử khác.

Nguyên tắc tuyển dụng: Đảm bảo Công khai - Công bằng - Bình đẳng cho mọi đối tượng phù hợp.

Yêu cầu tuyển dụng: Các thông tin chi tiết về hồ sơ và tiêu chuẩn xét tuyển được thông báo cụ thể trên Website của Công ty.

Trình tự tuyển dụng lao động gián tiếp: Các ứng viên xin tuyển dụng phải nộp hồ sơ cho Bộ phận nhân sự (Phòng Nhận sự - Pháp chế). Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, ứng viên sẽ được mời đến phỏng vấn xét tuyển bởi Hội đồng Tuyển dụng của Công ty. Cuối cùng, khi kết thúc thương lượng, các ứng viên sẽ được thử việc và sau đó ký hợp đồng lao động. Đối với lao động trực tiếp giao cho các chi nhánh, đơn vị trực thuộc tuyển dụng theo kế hoạch và tiêu chuẩn được quy định bởi Tổng giám đốc Công ty

Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, vai trò, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế tại đơn vị, kết quả công việc của người lao động. Công ty tạo điều kiện môi trường làm việc đảm bảo an toàn vệ sinh, thoáng mát; nhân viên được trang bị đầy đủ các thiết bị làm việc, phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động cần thiết. Văn hóa làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm, tạo cơ hội phát triển bản thân. Hỗ trợ thu nhập khi nghỉ thai sản, ngoài khoản thanh toán từ phía bảo hiểm thăm hỏi, động viên trong các trường hợp nhân viên, gia đình có người ốm; tặng quà cho nhân viên nữ nhân ngày 8/3 và 20/10; tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân ngày 1/6 ... Bên cạnh việc duy trì thường xuyên phong trào thi đua trong toàn đơn vị, Công ty còn xây dựng và tổ chức thực hiện quy định khen thưởng của Công ty luôn kịp thời, có hiệu quả. Các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc định kỳ hoặc đột xuất đều được công nhận và khen thưởng xứng đáng, công bằng, công khai. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật lao động về các chế độ bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.





Quản lý nguồn nguyên liệu

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý chất thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống

Tiêu thụ năng lượng

STT	Năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Tổng giá trị sử dụng năm	Đơn vị tính
1	Điện dùng trong quản lý văn phòng	276.490	Kwh
2	Điện dùng trong sản xuất	3.169.469	Kwh
	Tổng tiêu thụ	3.445.959	Kwh

Điện năng là nguồn năng lượng tiêu thụ chủ yếu của Dakruco. Hằng năm Công ty sử dụng năng lượng điện để vận hành dây chuyền sản xuất sản phẩm và phục vụ cho công tác hoạt động tại văn phòng Công ty. Với định hướng phát triển đồng hành cùng bền vững, DRG luôn chú trọng việc sử dụng tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu chi phí hằng năm.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty luôn nhận thức rằng hoạt động sản xuất chế biến của Công ty sẽ có những tác động đến môi trường xung quanh. Do vậy, Công ty đã:

- Tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước, duy trì và đạt được tiêu chuẩn ISO: 14000-2015;
- Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

Kết quả, trong năm 2019 Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ môi trường, được đánh giá tốt qua các cuộc kiểm tra định kỳ của các cơ quan chức năng, được sự ủng hộ của cộng đồng dân cư.

Năm 2019 vừa qua, Công ty đã không có hành vi vi phạm và không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.



Về trách nhiệm với cộng đồng địa phương:

– **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**

- Số lượng cán bộ công nhân viên lao động: Tổng số lao động đến tháng 12/2019 là 2.924 người
- Mức lương trung bình: 6.290.000 đồng/người/tháng. Việc trả lương gắn liền với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

– **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

- Công ty thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động như: Khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu phân loại bệnh nghề nghiệp cho người lao động; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc ..v.v...
- Tạo thuận lợi cho công nhân sinh hoạt đoàn thể; hỗ trợ công nhân lúc khó khăn, hoạn nạn.
- Đảm bảo cơ sở vật chất hoạt động văn hóa, thể thao cho công nhân; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan du lịch và vui chơi giải trí cho công nhân lao động.

- Tuân thủ, thực hiện đầy đủ các qui định, nội qui, qui trình thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động nhất là công tác phòng cháy chữa cháy.
- Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện đo kiểm môi trường lao động. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra, đơn đốc thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị. Kết quả, trong năm 2019, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động.

– **Hoạt động đào tạo người lao động:** Công tác đào tạo huấn luyện luôn là mục tiêu quan trọng của công ty. Trong năm 2019, Công ty đã tổ chức cho người lao động cập nhật nâng cao kiến thức nghiệp vụ và đảm bảo an toàn lao động; Bồi dưỡng kỹ năng nghề cho công nhân sản xuất và lao động phổ thông. Với hơn 80% công nhân thường xuyên được tập huấn, nâng cao tay nghề, thi nâng bậc theo định kỳ; lao động có kỷ luật, năng suất, chất lượng và hiệu quả.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk luôn coi trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một vấn đề quan trọng mà Công ty quan tâm thực hiện và đảm bảo thực hiện. Trong năm 2019 vừa qua, quá trình khai thác và sản xuất vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch, tuy nhiên không có trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường và không có trường hợp khiếu nại về tiếng ồn, khói bụi hay đời sống sức khỏe ... trong phạm vi hoạt động.

Ngoài ra, Công ty hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời luôn quan tâm và tạo điều kiện để đóng góp vào các quỹ phát triển địa phương; tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể, các công tác giáo dục về pháp luật về kiến thức cần thiết cho người dân; vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống bệnh và dịch bệnh; tổ chức và tham gia các phong trào xanh, sạch, vệ sinh của địa phương; xây dựng 14 nhà mái ấm công đoàn cho công nhân nghèo; hỗ trợ cho 16 gia đình công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, 01 cơ sở nuôi dưỡng trẻ mồ côi; nhân phụng dưỡng một mẹ Việt Nam anh hùng; tổ chức kết nghĩa với đơn biên phòng và nhiều buôn đồng bào dân tộc thiểu số ..., Trong năm Công ty đã làm công tác xã hội, cộng đồng với tổng số tiền trên 01 tỷ đồng

Tạo ra những giá trị
tốt nhất





PHẦN III

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
- BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
- GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN



Đánh giá tình hình chung

Trong năm 2019, tình hình kinh tế thế giới có những biến động phức tạp, chiến tranh thương mại Mỹ Trung chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, bên cạnh đó ảnh hưởng của thời tiết khí hậu khắc nghiệt, dịch bệnh trên vườn cây đã tác động trực tiếp đến năng suất, sản lượng và tình hình tiêu thụ cũng như giá mủ cao su.

Với những chính sách, đường lối đổi mới của Nhà nước, nhất là trên lĩnh vực kinh tế đã phần nào hỗ trợ kịp thời và tạo điều kiện cho Công ty có cơ hội đầu tư mở rộng và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển thương hiệu. Nhờ đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk năm 2019 đã được duy trì và cải thiện so với năm 2018.



- » Tình hình kinh tế vĩ mô trong nước tương đối ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP tăng trưởng vượt mục tiêu của Chính phủ đề ra. Bên cạnh đó, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, lãi vay ổn định.
- » Xu thế toàn cầu hoá, quốc tế hoá tiếp tục phát triển và đi vào chiều sâu, Việt Nam cùng lúc ký được 02 hiệp định quan trọng với Liên minh Châu Âu là Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư (IPA) tiến tới việc xóa bỏ gần 99% thuế quan giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu. Tạo điều kiện thuận lợi để gia tăng sản lượng xuất khẩu các sản phẩm của ngành cao su vào EU.
- » Dự án cây nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tiến triển tốt, sẽ góp phần tăng doanh thu năm 2020 và là tiền đề để Dakruco mở rộng phạm vi kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm.
- » Được sự quan tâm và khuyến khích phát triển của Chính phủ, sản phẩm nông nghiệp đang có cơ hội tiếp cận cũng như gia tăng xuất khẩu ở những thị trường có hiệp định thương mại tự do.
- » Nhiều kỹ thuật canh tác mới được áp dụng, sự cơ giới hoá tạo ra sự phát triển bền vững trong quy trình sản xuất cao su là cơ hội định hướng ngành kinh doanh cao su trong thời gian tới.
- » Vườn cây khai thác ngày càng thu hẹp do trong lộ trình thanh lý trồng tái canh dẫn đến năng suất thấp, sản lượng giảm dần; tình hình thời tiết, dịch bệnh trên vườn cây diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng mủ khai thác.
- » Giá cao su trên thị trường thế giới liên tục biến động giảm do cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã kéo dài cùng với tình trạng dư cung vẫn đang hiện hữu. Nhu cầu vốn đầu tư tái canh lớn nên không chủ động lựa chọn kế hoạch bán hàng; giá bán gỗ cao su thanh lý cũng xuống thấp nhưng lại khó bán. Ngân hàng liên tục cắt giảm hạn mức cho vay do vườn cây thanh lý nhiều nên không còn tài sản thế chấp trong khi nguồn vốn cho đầu tư tái canh tương đối lớn, nhưng chưa được ngân hàng cho vay nên tình hình tài chính công ty gặp nhiều khó khăn.
- » Yếu tố tự nhiên diễn biến thất thường của thời tiết (tần suất mưa, bão nhiều) ảnh hưởng đến sản lượng, năng suất và hiệu quả của Công ty. Độ ẩm cao là nguyên nhân phát triển bệnh phấn trắng, nấm hồng... trên cây cao su làm giảm chất lượng vườn cây.
- » Công nghệ các ngành chế biến cao su thiên nhiên của Việt Nam còn chưa phát triển, lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên trong nước vẫn còn ở mức thấp chủ yếu tập trung vào các sản phẩm: Săm lốp xe các loại, găng tay, nệm mút,... các ngành công nghiệp cao su kỹ thuật cao, cao su y tế còn chưa phát triển đã thu hẹp thị trường nội địa vốn có điều kiện thuận lợi về khả năng cung ứng đã hạn chế khả năng phát triển của ngành cao su trong nước nói chung và Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk nói riêng.

Thuận lợi

Khó khăn

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trong bối cảnh vô cùng khó khăn, tuy nhiên các chỉ tiêu vẫn được duy trì. Kết quả như sau:

Công tác điều hành sản xuất:

- Công tác tổ chức và triển khai chỉ đạo được đẩy mạnh, cập nhật đổi mới và bám sát các mục tiêu đã đặt ra đầu năm. Đánh giá chung về hoạt động điều hành sản xuất được thực hiện khá tốt, Tập thể lãnh đạo và các cán bộ nhân viên trên tinh thần tập trung nội lực, áp dụng một số ý tưởng điều hành sáng tạo, thân thiện, tạo ra các liên kết và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các nhân viên, các đơn vị và toàn công ty.
- Quan tâm chăm lo đời sống tinh thần và vật chất, vận dụng các chính sách tiền lương hợp lý, khuyến khích lao động chuyên cần và hiệu quả, thực hiện cắt giảm chi phí sản xuất hợp lý, nâng cao trách nhiệm của cá nhân đối với Công ty và cộng đồng. Nhờ vậy, năng suất lao động tại các đơn vị được nâng cao dù áp lực cạnh tranh trên thị trường ngày càng tăng cao.
- Bán điều hành đã kịp thời ban hành các quy chế, quy định trên tất cả các lĩnh vực, chính vì vậy việc quản lý điều hành được phân cấp rõ ràng, thực hiện nhịp nhàng, có hiệu quả, các nhiệm vụ HĐQT giao cho ban điều hành được triển khai kịp thời.



Công tác điều hành sản xuất:

- Với các mối quan hệ kinh doanh bền chặt cũng như công tác bám sát và nắm bắt thị trường kịp thời, Công ty đã linh hoạt chuyển đổi hướng tiếp cận các khách hàng tiềm năng và đối tác phù hợp để có thể tạo đầu ra sản phẩm trên thị trường quốc tế lẫn trong nước và không ngừng cập nhật xu hướng thị trường.
- Chiến lược bán hàng của DRG vẫn đang nhắm vào thị trường xuất khẩu truyền thống là tại các quốc gia Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Thái Nhĩ Kỳ, Ấn độ... đặc biệt quan tâm vấn đề khiếu nại sản phẩm của khách hàng.

Công tác đầu tư máy móc, thiết bị:

- Bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị sản xuất chuyên ngành cao su và đầu tư cho hệ thống sơ chế, bảo quản sản phẩm trái cây để đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Để đảm bảo sức cạnh tranh trên thị trường, Công ty áp dụng nhiều giải pháp công nghệ mới cho cây trồng, ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất.

Công tác bán hàng:

- Công ty đã đưa vào vận hành giải pháp công nghệ thông tin trong công tác quản lý đây là yếu tố then chốt giúp DRG tiếp tục phát triển một cách bền vững trong môi trường hội nhập quốc tế đòi hỏi công nghệ hóa, hiện đại hóa như hiện nay;
- Công tác kỹ thuật luôn cập nhật những ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất nhưng đảm bảo tiết kiệm phù hợp với tình hình tài chính hiện nay của Công ty. Nhưng quy trình khai thác, sản xuất các mặt hàng vẫn được đảm bảo theo đúng kế hoạch;
- Công tác nghiên cứu, khảo sát các sản phẩm mới, thị trường mới luôn được quan tâm.

Công tác quản lý chất lượng:

- Việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý chất lượng trên cơ sở chất lượng sản phẩm phù hợp tăng và giảm thiểu hư hỏng để tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào được kiểm tra chặt chẽ, phân tích và đánh giá thông qua những quy chuẩn đã được công bố.
- Công tác bảo quản, lưu kho sản phẩm luôn được quan tâm và cải tiến liên tục đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn trong tình trạng tốt nhất.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản (Theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ)

STT	Chi tiêu	ĐVT	31/12/2018	31/12/2019
1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	236,018	190,978
2	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	2.097,710	2.096,141
	Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.333,728	2.287,119

Cơ cấu tài sản Dakruco vẫn duy trì ổn định khi tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 90% đạt 2.096 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu là các vườn cây cao su đang trong quá trình khai thác và kiến thiết cơ bản. Tổng tài sản của công ty năm 2019 là 2.287,119 tỷ đồng, giảm 46,61 tỷ đồng so với năm 2018.



Tình hình nợ phải trả (Theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ)

STT	Chi tiêu	ĐVT	31/12/2018	31/12/2019
1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	529,948	435,577
2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	240,734	268,103
	Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	770,682	700,680

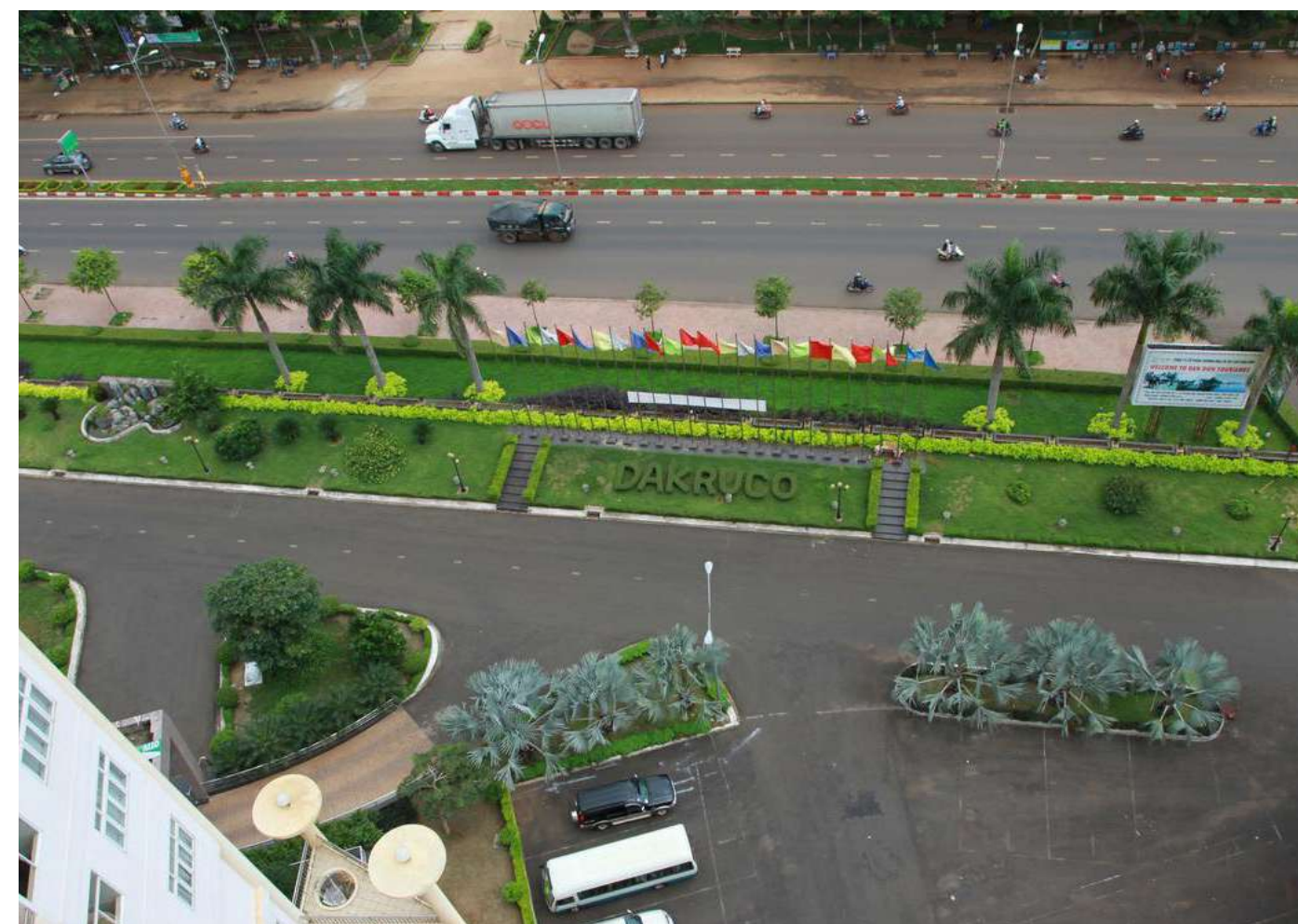
Trong cơ cấu nợ của Dakruco năm 2019, chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là nợ ngắn hạn, chiếm 61,74% trên tổng nợ phải trả, khoản mục cấu thành trong cơ cấu nợ Dakruco chủ yếu đến từ các khoản vay tài chính, trả cho Nhà nước và trả quỹ phúc lợi cho người lao động sau cổ phần hoá... Nhìn chung, sau khi giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản ban đầu, các khoản vay của Công ty đều giảm trong năm vừa qua. Cụ thể nợ vay ngắn hạn thời điểm 31/12/2019 đã giảm 15,28 tỷ đồng, đồng thời nợ vay dài hạn cũng giảm 41,23 tỷ. Là nguyên nhân dẫn đến tổng nợ phải trả của Dakruco năm nay đã giảm 9,08% tương đương 70,00 tỷ đồng so với năm 2018. Những khoản nợ phải trả giảm dần cho thấy áp lực lãi vay của Dakruco giảm xuống và những hoạt động đầu tư của công ty đang đi vào ổn định và mang lại lợi nhuận đáng kể cho công ty.



Trong năm đầu tiên hoạt động theo hình thức công ty cổ phần đăng ký giao dịch Upcom, DRG đã phần nào nắm bắt được việc hoạt động và quản lý công ty theo các quy định. Hệ thống quy chế quản trị, quản lý nội bộ, điều lệ tổ chức hoạt động công ty đã được hoàn thiện, tạo được nền tảng để tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty đã sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn và ổn định hoạt động của các phòng nghiệp vụ, phân chia rõ ràng mục đích, hiệu quả và chức năng của từng phòng, bộ phận theo đúng chuyên môn và nghiệp vụ.

Trong công tác quản lý nguồn nhân lực, lựa chọn những lao động chất lượng cao, thực hiện việc phân công đúng người đúng việc, hạn chế tình trạng lao động nhàn rỗi dẫn đến tốn hao chi phí quản lý công ty. Ngoài ra, để tạo động lực cho người lao động tích cực hoạt động sản xuất, cống hiến ngày càng nhiều cho Công ty, Dakruco cũng đặt ra những tiêu chuẩn khen thưởng trong công việc, khen thưởng những cá nhân, tập thể có kết quả lao động xuất sắc, hiệu quả, sáng tạo; thêm vào đó, chú trọng mối quan hệ hợp tác, liên kết, đồng bộ giữa các phòng ban để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan và tạo điều kiện gắn kết các nhân viên với nhau và với Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường tiêu thụ và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2020 và đã được HĐQT thông qua để trình ra cuộc họp ĐHCĐ như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020
A Diện tích khai thác			
1	Diện tích cao su	Ha	2.320,82
1.1	+ Diện tích cao su khai thác	Ha	1.765,75
1.2	+ Diện tích cao su cạo thanh lý	Ha	555,07
1.3	+ Năng suất bình quân	Tấn/ha	1,44
2	Diện tích cao su liên kết	Tấn	2.051,02
B Chỉ tiêu về sản lượng			
1	Tổng sản lượng mủ cao su	Tấn	6.043,58
1.1	+ Sản lượng xuất bán	Tấn	5.500
1.2	+ Giá thành sản xuất	Đồng/tấn	30.238.000
2	Tổng sản lượng sợi chỉ thun	Tấn	1.243
3	Tổng sản lượng trái cây	Tấn	6.332,75
3.1	+ Tổng sản lượng chuối	Tấn	5.264,58
3.2	+ Tổng sản lượng chanh dây	Tấn	1.068,17
C Chỉ tiêu về kết quả kinh doanh			
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.000 đ	472.138.501
2	Thu nhập bình quân	Đồng	7.200.000
3	Chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	28.636.000
4	Tỷ lệ chia cổ tức:	Trong giai đoạn hiện nay Công ty đang gặp khó khăn về dòng tiền nên dự kiến không chia cổ tức.	

CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Về sản xuất kinh doanh

- Tình hình giá bán cao su giảm mạnh chưa có dấu hiệu phục hồi, cần tăng cường kiểm soát chặt chẽ về chi phí, giá thành sản xuất nhằm đảm bảo hiệu quả SXKD có lãi theo kế hoạch; Tăng cường công tác thu mua mủ nguyên liệu làm giảm định phí trên đầu tấn sản phẩm; Tập trung chăm sóc vườn cây và phòng, chống bệnh hại trên vườn.
- Tiếp tục tăng cường, duy trì ổn định khách hàng cao su truyền thống, tìm hiểu nghiên cứu mở rộng phát triển thị trường đối với sản phẩm chỉ thun và sản phẩm cây ăn trái các loại để trực tiếp xuất khẩu.

Về công tác đầu tư

- Tập trung đầu tư theo kế hoạch vào các vườn cây KTCB đảm bảo sinh trưởng phát triển tốt, cắt giảm các khoản đầu tư xây dựng cơ bản chưa thật sự cần thiết để giảm áp lực về vốn.
- Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ cấp phép quy hoạch 1/500 và lập dự án đầu tư vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Cư Bao để tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng phục vụ sản xuất. Chăm sóc vườn cây ăn theo qui trình kỹ thuật đơn vị tư vấn; trồng mới 26,16 ha chuối Cavendish; trồng thử nghiệm và làm vườn giống đối với cây dứa MD2 khoản 10 ha.

Về công tác tài chính:

- Làm việc với các tổ chức tín dụng để tìm nguồn tài trợ dài hạn cho dự án tái canh hiện nay và dự án đầu tư vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Phối hợp với Công ty Dakmoruco hoàn thiện hồ sơ vay từ 5 đến 7 triệu USD từ ngân hàng tại CPC về để cơ cấu nợ Dakruco để được xem xét vay vốn dự án tái canh trồng cao su hiện nay.
- Tiếp tục triển khai xin ý kiến của chủ sở hữu về công tác thoái vốn Nhà nước tại dự án Dakmoruco và Khách sạn Dakruco.
- Tập trung quyết toán vốn Nhà nước, quyết toán thuế, tiến hành bàn giao vốn Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Về tái cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Tiếp tục sắp xếp bộ máy gián tiếp tại một số chi nhánh, phòng ban theo hướng tinh gọn, hiệu quả và tiết giảm chi phí quản lý.
- Tiếp tục tái cơ cấu Công ty theo hướng thoái 62,9% vốn Nhà nước tại Dakruco, Nhà nước còn giữ 36% vốn điều lệ.
- Hoàn tất các thủ tục về Pháp lý đối với diện tích đất tại công ty Campuchia; triển khai việc vay vốn tại nước sở tại để chuyển nguồn về công ty mẹ.
- Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ lập dự án đầu tư vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Chi nhánh Nông trường Cư Bao.
- Triển khai hợp tác đầu tư trồng dứa MD2 và chuối CJ-40 theo hướng ứng dụng công nghệ cao tại NT Cư Mgar với 450ha vào năm 2021 (trong đó có 200 ha trồng xen với cao su).



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải trong sản xuất ra môi trường tiếp nhận, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện trồng cây xanh quanh nhà máy chế biến mủ và văn phòng Công ty nhằm tạo thêm mảng xanh nơi làm việc, góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người lao động. Các chất thải từ quá trình sản xuất luôn được kiểm soát và có biện pháp xử lý phù hợp để không gây ảnh hưởng đến con người cũng như môi trường xung quanh. Hàng năm công ty đều thực hiện đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định của ngành và cơ quan quản lý.

Dakruco luôn đề cao giá trị con người trong sự phát triển bền vững của Công ty. Nhằm tạo cho người lao động một môi trường làm việc thân thiện, năng động, nơi mà người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình và định hướng sẽ cống hiến toàn tâm toàn ý cho sự phát triển của Công ty, Dakruco luôn đảm bảo các chế độ và chính sách đối với người lao động; tạo điều kiện thăm khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên; thực hiện đánh giá hàng năm để khen thưởng cho các cá nhân và tập thể của các đơn vị trong toàn công ty hoạt động tích cực và hiệu quả cũng như khuyến khích toàn bộ lực lượng lao động cống hiến hết mình và đoàn kết nội bộ để tạo ra sự vững bền cho Công ty. Công ty cũng thường xuyên tổ chức những buổi công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa nhằm đóng góp một phần vào sự phát triển của xã hội, chăm lo đời sống cho những mảnh đời bất hạnh; phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng; thể hiện thái độ tốt và trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương mà Công ty đang hoạt động kinh doanh.



1. Nội dung ý kiến ngoại trừ:

1.1 Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2018. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành quyết toán vốn Nhà nước cho giai đoạn từ ngày 30/09/2016 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) đến ngày 30/09/2018 (ngày cuối cùng trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần). Do đó, phần quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước này có thể ảnh hưởng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (nếu có) có thể thay đổi khi có Quyết định phê duyệt chính thức của Cơ quan có thẩm quyền.

1.2 Các nghĩa vụ thuế với Ngân sách về các loại thuế đã được công ty xác định căn cứ vào các quy định chung của cơ quan thuế. Tuy nhiên các khoản mục này có thể thay đổi khi được cơ quan thuế quyết toán. Khoản chênh lệch giữa số xác định của Công ty và quyết toán của cơ quan thuế sẽ làm ảnh hưởng đến đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019. Do vậy, khoản thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước tại thời điểm 31/12/2019 còn tùy thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan thuế quản lý. Do đó, trong trường hợp có sự thay đổi khoản thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước khi có quyết toán thuế của cơ quan thuế quản lý thì có thể ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (nếu có).

2. Nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk:

2.1 Về nội dung điều chỉnh hồi tố:

Doanh thu và chi phí hoạt động cho thuê đất trồng xen là hoạt động kinh doanh thường xuyên gắn liền với hoạt động kinh doanh chính của Công ty là trồng, khai thác và chế biến mủ cao su, theo đó Công ty trình bày lại và ghi nhận là doanh thu hoạt động khác, giá vốn hoạt động khác thay vì ghi nhận là thu nhập khác, chi phí khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc điều chỉnh hồi tố không làm thay đổi kết quả kinh doanh mà chỉ thay đổi việc trình bày các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2.2 Về ý kiến ngoại trừ thứ nhất:

Dakruco đã nhiều lần có văn bản đề nghị quyết toán bàn giao vốn, UBND tỉnh Đắk Lắk cũng đã có Thông báo số 141/TB-UBND ngày 10/12/2019 đề nghị các Sở, Ban, Ngành chủ trì xử lý nhưng đến nay vẫn chưa được quyết toán bàn giao. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục có văn bản kiến nghị Chủ sở hữu để nhanh chóng hoàn tất việc bàn giao vốn để Công ty có cơ sở quản lý tài sản và ổn định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.3 Về ý kiến ngoại trừ thứ 2:

Căn cứ theo các quy định hiện hành về chính sách thuế ban hành kèm theo bao gồm: “Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định 20/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/02/2017 về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết và các thông tư hướng dẫn có liên quan về thuế thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, việc áp dụng các văn bản luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ đang có sự khác nhau có thể được xem xét theo nhiều cách khác nhau. Vì vậy Ban Tổng Giám đốc cũng xét thấy cần có thời gian nghiên cứu và làm rõ vấn đề này với các cơ quan có thẩm quyền nên Công ty chưa áp dụng những quy định chưa được rõ ràng khi xác định các nghĩa vụ về thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước phát sinh trong năm 2019. Do vậy, trong thời gian tới, Công ty trực tiếp làm việc cũng như giải trình và bảo vệ số liệu trước các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh kiểm tra nghĩa vụ thuế tại Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung giải trình về điều chỉnh hồi tố và ý kiến ngoại trừ của kiểm toán cho báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của công ty. Rất mong nhận được sự xem xét và chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



PHẦN IV

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2019 diễn ra trong bối cảnh thách thức và cơ hội đan xen lẫn nhau khi đối mặt tình trạng thế giới tồn kho ở mức cao, điều này sau đó đã gây áp lực giảm giá cao su trên thị trường toàn cầu. Đồng thời, tâm lý kinh doanh tiêu cực do cuộc chiến thuế quan, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và những bất ổn từ tình hình chung thế giới đã tạo nên những thách thức cho Công ty. Trong khi đó, vườn cây cao su khai thác chủ yếu đã già cỗi đang chờ thanh lý và diện tích còn lại đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản; tình hình dịch bệnh phát sinh ngay từ đầu vụ khai thác, giá cao su trên thị trường thế giới liên tục biến động giảm do cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã kéo dài trong suốt năm 2019.



Đối mặt với những khó khăn trên nhưng Công ty vẫn cơ bản hoàn thành được các kế hoạch đề ra, cụ thể sản lượng khai thác đạt 7.348 vượt 15% kế hoạch, tổng doanh thu được 572,585 tỷ đồng/489,07 tỷ đồng vượt 17% kế hoạch Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 23,393 tỷ đồng/15,16 tỷ đồng đạt 154,30% kế hoạch.

Hơn nữa, Công ty cũng có những thành tích đáng kể trong việc xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường và đưa tỷ lệ xuất khẩu chiếm 45,7% trên tổng sản lượng cao su tiêu thụ. Sản phẩm của Dakruco đã và đang xâm nhập sâu hơn vào các thị trường khó tính như EU như Đức, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, Ý,...

Về tài chính, nợ vay ngắn hạn thời điểm 31/12/2019 đã giảm 15,28 tỷ đồng, đồng thời nợ vay dài hạn cũng giảm 41,23 tỷ. Cơ bản đã chủ động được nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư Dự án nông nghiệp công nghệ cao trong thời gian tới.

Việc Hoàn tất các thủ tục đăng ký với Trung tâm lưu ký chứng khoán đưa cổ phiếu (DRG) của Công ty lên giao dịch tại sàn Upcom vào ngày 11/12/2019 đã đánh dấu bước tiến mới trong quá trình hoạt động của Công ty.

ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện chỉ đạo và giám sát chặt chẽ đối với Ban Tổng Giám đốc, nhờ đó làm tăng hiệu quả hoạt động cũng như trách nhiệm làm việc của Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị thường xuyên duy trì việc giám sát Tổng Giám đốc thông qua kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và chất vấn tại các phiên họp; kịp thời chỉ đạo các hoạt động để Ban điều hành Công ty có thể thực hiện sát sao các lộ trình sản xuất và kinh doanh trong năm. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị cũng thống nhất việc chỉ đạo linh hoạt, hợp lý, cho phép các ý kiến chủ động sáng tạo của người điều hành nếu nhận thấy sự hợp lý và giá trị mà các phương pháp đó mang lại.

Theo đánh giá của HĐQT, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, các kết quả đạt được cụ thể như sau :

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trong đó có chỉ tiêu kế hoạch sản lượng, chỉ tiêu lợi nhuận, bảo đảm mục tiêu tài chính, luôn nỗ lực khắc phục khó khăn, vướng mắc phát sinh và kịp thời đề xuất, kiến nghị những vấn đề vượt thẩm quyền với HĐQT để có chỉ đạo định hướng phù hợp với tình hình thực tế.
- Triển khai thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết và chỉ đạo của HĐQT, điều hành hoạt động đúng Điều lệ và Quy chế nội bộ quản trị Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty; ban hành 07 quy định, quy chế trên các mặt quản lý của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ hiện hành.
- Chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo cho HĐQT và các cơ quan chức năng nhà nước về tình hình hoạt động của Công ty; thực hiện đầy đủ và phù hợp việc lập và công bố thông tin báo cáo tài chính quý, năm theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Các chỉ tiêu cụ thể theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ :
 - Chỉ đạo khai thác sản lượng cao su được 7.348 tấn vượt 15%
 - Tổng doanh thu : 572.585,18 tỷ đồng vượt 17% (kế hoạch 489,07 tỷ đồng)
 - Lợi nhuận trước thuế 23,39 tỷ đồng vượt 54% (kế hoạch 15,16 tỷ đồng)
 - Thu nhập cho người lao động được ổn định; chế độ chính sách cho người lao động đảm bảo; xây dựng và đào tạo được đội ngũ lãnh đạo, lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.
- Thực hiện đầy đủ các khoản thuế và nghĩa vụ đối với Nhà nước, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bước vào năm 2020, dự báo là một năm vẫn còn rất nhiều khó khăn đối với ngành cao su nói chung, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung còn diễn biến phức tạp và khó lường, dịch Covid 19 lan rộng ra hầu hết các quốc gia trên thế giới và diễn biến ngày một xấu, tình hình kinh tế thế giới suy giảm nghiêm trọng, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, sản xuất kinh doanh bị đình trệ....các vấn đề đó đều tác động tiêu cực đến giá mủ cao su và nhiều dự báo cho rằng giá mủ cao su vẫn nằm trong vùng giá thấp và thậm chí rất thấp.

Đối với Dakruco cũng không nằm ngoài khó khăn chung khi giá mủ cao su; giá bán gỗ cao su thanh lý cũng đang ở mức thấp; bên cạnh đó doanh thu năm 2020 sẽ thấp hơn năm 2019 do sản lượng giảm, dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, trong khi đó Công ty đang trong thời kỳ tái đầu tư là chính, nên nhu cầu vốn đầu tư tăng lên, ngoài đầu tư tái canh vườn cao su, thì Công ty còn đầu tư Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cộng với việc tiếp cận các nguồn vốn vay khó khăn. Tình hình thời tiết diễn biến thất thường khó lường, dịch bệnh cây trồng dễ xảy ra... Tất cả điều đó sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 sẽ trình Đại hội đồng cổ đông lần này, HĐQT xây dựng kế hoạch hoạt động với các định hướng mục tiêu và giải pháp như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	So với thực hiện 2019
1	Sản lượng			
1.1	Cao su xuất bán	Tấn	5.500	
1.2	Sợi chỉ thun	Tấn	1.243	
1.3	Chanh dây	Tấn	1.068	
1.4	Chuối	Tấn	5.265	
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	472,139	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	443.502	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28,636	122,43%



Công tác quản trị

- » Tiếp tục nâng cao công tác quản trị công ty theo chuẩn quốc tế, ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại;
- » Nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp;
- » Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao vai trò của thành viên HĐQT;
- » Tăng cường việc đào tạo quản trị công ty cho các thành viên trong HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát;
- » Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Lắk, tiếp tục thoái vốn của Nhà nước xuống còn 36% vốn điều lệ. Tiếp tục đề nghị để chủ sở hữu vốn lớn nhất là UBND tỉnh xem xét cho tiếp tục thoái vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk, chi nhánh Khách sạn Dakruco và dự án Campuchia. Vay vốn đầu tư tái canh vườn cao su và đầu tư dự án nông nghiệp công nghệ cao; thực hiện tái cơ cấu tài chính Công ty.

Về đầu tư

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại NT Cư Bao.
- Tiếp tục công việc chuẩn bị đầu tư vào dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sẽ triển khai tại chi nhánh Nông trường cao su CưMgar, để thực hiện vào cuối năm 2020, phát triển diện tích giống dứa MD2 để triển khai trồng xen tại vườn cao su trồng mới năm 2020 tại NT Cư Mgar vào năm 2021.
- Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị phù hợp theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật, đồng thời đào tạo được đội ngũ cán bộ lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

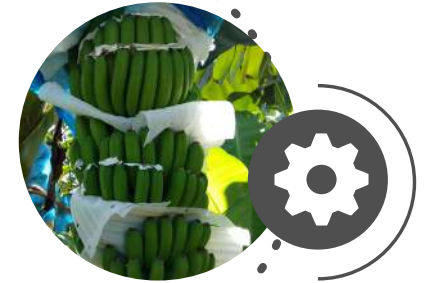


Về tài chính

Đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc

Về sản phẩm

Ngày càng đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ. Ưu tiên cho việc phát triển các thị trường truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có chất lượng cao. Xây dựng các sản phẩm trái cây đạt tiêu chuẩn VietGap và Global Gap; chứng nhận truy xuất nguồn gốc, để đảm bảo việc kinh doanh các sản phẩm ổn định về thị trường



Về thị trường

Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị, tham các hội thảo nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận thị trường quốc tế.



Về khoa học công nghệ

Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ; Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới



Về nguồn nhân lực

Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; sử dụng nguồn lao động phù hợp; chú trọng đào tạo công nhân khai thác và công nhân dây chuyền sản phẩm cây ăn trái, đào tạo kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý công ty





PHẦN V BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN KIỂM SOÁT
- LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Tháng 5/2019, HĐQT đã được ĐHĐCĐ nhất trí thay đổi hai thành viên, đó là ông Nguyễn Trần Giang, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán thay ông Nguyễn Huy Hùng, TVHĐQT, nguyên Phó Tổng giám đốc; ông Nguyễn Văn Nam thay ông Lê Đình Huyền, TVHĐQT độc lập, lý do hai ông để có đơn xin thôi không tham gia. Như vậy, HĐQT có 7 người, trong đó có 02 thành viên độc lập, số còn lại là thành viên HĐQT không chuyên trách.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do vắng mặt
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	Giữ chức vụ CT HĐQT từ ngày 29/09/2018	4/4	100%	
2	Bùi Quang Ninh	TV.HĐQT Tổng Giám đốc	TVHĐQT từ 29/09/2018	4/4	100%	
3	Nguyễn Độ	TV. HĐQT Phó Tổng Giám đốc	TVHĐQT từ 29/09/2018	4/4	100%	
4	Nguyễn Trần Giang	TV. HĐQT Kế toán trưởng	TVHĐQT từ 06/05/2019	2/2	100%	
5	Nguyễn Văn Cúc	TV. HĐQT TP, Nhân sự - Pháp chế	TVHĐQT từ 29/09/2018	3/4	75%	Nghỉ phép
6	Đỗ Văn Định	TV. HĐQT	TVHĐQT từ 29/09/2018	4/4	100%	
7	Nguyễn Văn Nam	TV. HĐQT	TVHĐQT từ 06/05/2019	2/2	100%	
8	Nguyễn Huy Hùng	TV. HĐQT	Thôi TVHĐQT từ 06/05/2019	2/2	100%	
9	Lê Đình Huyền	TV. HĐQT	Thôi TVHĐQT từ 06/05/2019	2/2	100%	



Các Nghị quyết/Quyết định

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT	03/01	<p>1. Thống nhất bán thỏa thuận gói thầu số 03, tuy nhiên giá bán không thấp hơn giá bán khởi điểm đã niêm yết là 22.313.879.000 đồng (Hai mươi hai tỷ ba trăm mười ba triệu tám trăm bảy mươi chín triệu đồng).</p> <p>2. Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) là đơn vị thực hiện báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2018.</p> <p>3. Thực hiện thanh lý trước hạn đối với diện tích 12,17 ha cao su trồng năm 2005 tại chi nhánh Nông trường Phú Xuân, với giá bán tối thiểu 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).</p>
2	Số 02/NQ-HĐQT	10/01	<p>1. Thống nhất giao cho Ban điều hành của Dakruco thực hiện thu hồi vốn đối với các chủ hộ CSLK tại Cư Diêm nông, số tiền là 6.014.516.029 (Sáu tỷ không trăm mười bốn triệu năm trăm mười sáu ngàn không trăm hai mươi chín đồng). Do vườn cây sinh trưởng kém, cây nhỏ chưa có giá trị nên không tính giá trị gỗ ăn chia theo tỉ lệ 02 bên (50%). Sau khi hoàn tất thu nợ, mới tiến hành thanh lý hợp đồng CSLK trước thời hạn.</p> <p>2. Thống nhất điều chỉnh diện tích cây cao su thanh lý của Công ty trong năm 2019 tăng so với kế hoạch cũ là 44,13 ha, tổng diện tích vườn cao su thanh lý 751,29 ha, trong đó tại đội 5 chi nhánh Nông trường Cư Mgar là 301,31 ha; đội 1 Chi nhánh Nông trường Cư Đẳng là 251,88 ha; Chi nhánh Nông trường Cư Bao là 198,1 ha còn lại.</p>
3	Số 03/NQ-HĐQT	23/01	<p>1. Thống nhất thực hiện chuyển nhượng diện tích cao su 50,23 ha cao su tại đội Tuy Đức thuộc công ty cổ phần Daknoruco, giá bán khởi điểm 140.250.000 đồng/ha. Thực hiện bán đấu giá công khai thông qua các cơ quan chức năng có thẩm quyền.</p> <p>2. Chấp thuận việc lựa chọn Công ty Kỹ thuật cao su là đơn vị nhà thầu cung ứng giống cây cao su trồng mới và trồng dặm cho Dakruco trong năm 2019.</p> <p>3. Đồng ý cho ông Nguyễn Huy Hùng được thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty và được chấm dứt hợp đồng lao động theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày HĐQT Công ty ra Nghị quyết.</p>
4	Số 04/NQ-HĐQT	26/02	<p>1. Thực hiện chuẩn bị các nội dung cho Cuộc họp ĐHCĐ trong tháng 4/2019.</p> <p>2. Thông qua kế hoạch tài chính, SXKD và đầu tư năm 2019 của Dakruco.</p> <p>3. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019 và phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty cổ phần DRI.</p> <p>4. Thông qua kế hoạch tài chính, sản xuất kinh doanh 2019 và phân chia lợi nhuận sau thuế 2018 của Công ty cổ phần Daknoruco.</p> <p>5. Thông qua Kế hoạch tài chính và sản xuất kinh doanh 2019 của Công ty Dakmoruco.</p> <p>6. Thống nhất thực hiện giải thể Công ty TNHH một thành viên chi thun cao su Đắc Lắc.</p> <p>7. Triển khai các bước thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại Nông trường Cư Bao.</p> <p>8. Thống nhất ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Dakruco.</p> <p>9. Thống nhất ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn của Dakruco tại doanh nghiệp khác.</p> <p>10. Phân công nhân sự làm người đại diện vốn và tham gia HĐQT, Ban kiểm soát tại các Công ty cổ phần có vốn góp của Dakruco.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	Số 05/NQ-HĐQT	06/5	<p>1. Thống nhất chi phí lương của Ban điều hành, thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát DRI, năm 2019.</p> <p>2. Thống nhất chi phí thu nhập của Ban điều hành, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát Daknoruco năm 2019.</p>
6	Số 06/NQ-HĐQT	19/3	<p>Thống nhất ban hành Quy chế Dân chủ cơ sở tại nơi làm việc của Công ty cổ phần cao su Đắc Lắc.</p>
7	Số 07/NQ-HĐQT	12/4	<p>1. Thực hiện triển khai các nội dung có liên quan đến cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2019.</p> <p>2. Thống nhất triển khai dự án ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao.</p> <p>3. Thống nhất chủ trương triển khai dự án trồng sả chung cất tinh dầu và xuất phân cơ vi sinh Fitohoocmon do Bộ Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt và có kế hoạch giải ngân vốn. Thực hiện trồng xen canh cây sả với diện tích là 76 ha cao su trồng theo mô hình hàng kép, tại chi nhánh Nông trường Cư Bao. Giao Ban điều hành đàm phán với đối tác về cách thức, nguyên tắc góp vốn liên kết và tổ chức sản xuất, trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển được nguồn vốn.</p> <p>4. Thống nhất đề nghị UBND tỉnh chuyển giao quỹ đất Dakrutech đang liên kết với Dakruco để thực hiện việc nghiên cứu giống cây cao su tại Nông trường Phú Xuân và 19/8.</p> <p>5. Thống nhất triển khai bán vườn cây cao su thanh lý năm 2019.</p> <p>6. Thống nhất giao cho Ban điều hành Dakruco phối hợp với cơ quan chuyên môn để được cấp quyền sử dụng đất, thuê đất theo số liệu và bản đồ đo đạc mới nhất. Tập trung chỉ đạo công tác giải quyết việc lấn chiếm, tranh chấp đất đai và xử lý các hồ sơ do chính quyền cấp trùng.</p>
8	Số 08/NQ-HĐQT	10/6	<p>1. Thống nhất chủ trương bán Thỏa thuận vườn cao su thanh lý tại chi nhánh Nông trường Cư Bao .</p> <p>2. Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2019.</p>
9	Số 09/NQ-HĐQT	28/6	<p>1. Thống nhất triển khai mô hình trồng xen cao su năm 2019 tại Đội 8, chi nhánh Nông trường Cư Kpô trên băng rộng 15 mét của vườn cao su trồng năm 2017.</p> <p>2. Điều chỉnh tăng diện tích trồng tái canh cao su năm 2019 so với kế hoạch ban đầu là: 49,39 ha với tổng chi phí là 2.298.757.405 đồng.</p> <p>3. Thống nhất điều chỉnh so với Nghị quyết số 07/NQ- HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2019 như sau: Giảm diện tích trồng xen cây chuối tại Dự án CNC từ 123,93 ha xuống còn 97,83 ha, diện tích giảm 26,1 ha để triển khai trồng xen chanh dây; Chi phí 356.062.789 đồng/ ha, khoản chi phí tăng thêm từ đầu tư trồng chanh dây cao hơn so với trồng chuối sẽ trích sử dụng nguồn dự phòng của dự án tổng thể.</p>
10	Số 10/NQ-HĐQT	16/7	<p>1. Thực hiện bàn giao diện tích đất 338,43 ha tại đội 2 chi nhánh Nông trường Phú Xuân và đội 3 chi nhánh Nông trường Cư Đẳng cho UBND tỉnh Đắc Lắc, để triển khai Dự án khu công nghiệp Phú Xuân theo quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 145/QĐ- UBND, ngày 23/01/2019.</p> <p>2. Thống nhất đề nghị UBND tỉnh Đắc Lắc thực hiện bồi thường đúng quy định Nhà nước, nhưng giá trị đền bù không được thấp hơn giá trị sổ sách của Dakruco tại thời điểm bồi thường giải phóng mặt bằng.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
11	Số 10/NQ-HĐQT	26/7	<p>1. Thống nhất các nội dung của bản báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết quý II của HĐQT; nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và triển khai thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019.</p> <p>2. Thống nhất thoái vốn của Dakruco hiện đang sở hữu tại DRI với tỷ lệ 30,6% vốn điều lệ của DRI, tương ứng với số lượng cổ phần Dakruco bán bớt 22.399.200 cổ phần.</p> <p>3. Xác định tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 49% so với vốn điều lệ của Công ty, tương đương 76.342.000 cổ phần; Tỷ lệ sở hữu cổ phần còn lại của các nhà đầu tư nước ngoài được phép mua là 48,9971% vốn điều lệ.</p> <p>4. Thống nhất chủ trương chào bán phần vốn của Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk hiện đang sở hữu tại Công ty TNHH Phát triển Cao su Đăk Lăk-Mondolkiri tại vương quốc Campuchia.</p> <p>5. Triển khai thanh lý trước thời hạn và thu hồi 50% nợ vốn đầu tư cho các hộ cao su liên kết tại Cư Dluê M'Nông; số tiền Công ty bị lỗ đầu tư, Công ty sẽ thực hiện trích lập dự phòng và xử lý khi hoàn thành công tác thanh lý.</p> <p>6. Cho phép Ban điều hành dùng nguồn vốn dự phòng của dự án nông nghiệp CNC đã được phê duyệt để điều hành việc đầu tư cho dự án, kể cả hạng mục phát sinh; kết thúc năm tài chính thực hiện báo cáo HĐQT để phê duyệt chính thức tổng mức đầu tư, làm cơ sở quyết toán tài chính.</p> <p>7. Cho phép Ban điều hành tiếp tục tái duy trì thực hiện hợp đồng dịch vụ kiểm phẩm mủ cao su đã đăng ký năm 2018 với Công ty cổ phần Kỹ thuật cao su (Dakrutech) đến hết vụ khai thác năm 2019.</p> <p>8. Thống nhất ban hành Quy chế công bố thông tin.</p> <p>9. Thống nhất chủ trương thanh lý vườn cây cao su già cỗi, năng suất thấp tại Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco (Daknoruco) trong năm 2019.</p> <p>10. Thống nhất chủ trương chấp hành việc thực hiện thu hồi đất của Nhà nước phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương.</p> <p>11. Thống nhất và giao cho Người đại diện phần vốn góp của Dakruco tại Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Cao su Đăk Lăk (Dakruwood) biểu quyết giải thể Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Cao su Đăk Lăk trong cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ của Dakruwood.</p>
12	Số 12/NQ-HĐQT	09/9	<p>1. Thống nhất việc Công ty cổ phần Kỹ thuật cao su phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhằm tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 22.500.000.000 (Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng), tương ứng 750.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần</p> <p>2. Dakruco không tham gia mua cổ phần do Công ty cổ phần Kỹ thuật cao su phát hành trong đợt này.</p>
13	Số 13/NQ-HĐQT	25/9	<p>1. Thống nhất chủ trương và phương án bán toàn bộ tài sản của Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk hiện đang sở hữu tại chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk- Khách sạn Dakruco trên khuôn viên diện tích 29.243,7 m2</p> <p>2. Thực hiện xử lý các nội dung công việc liên quan đến công tác tài chính, sắp xếp lao động các khoản phải nộp cho Nhà nước... sau khi bán đấu giá thành công khách sạn Dakruco</p> <p>3. Giao Ban điều hành có trách nhiệm triển khai thành lập Hội đồng bán tài sản, ký hợp đồng bán đấu giá và triển khai các thủ tục bán tài sản đúng quy định của pháp luật; thương thảo, ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với Nhà đầu tư trúng giá. Thực hiện các thủ tục giải thể chi nhánh khách sạn Dakruco.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
14	Số 14/NQ-HĐQT	16/10	<p>1. Thống nhất các nội dung của bản báo cáo đánh giá, kết quả thực hiện các Nghị quyết quý III của HĐQT; nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm và triển khai thực hiện nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2019.</p> <p>2. Thanh lý cao su quốc doanh trong năm 2020, tổng diện tích 510,42 ha tại 02 chi nhánh: Nông trường CưMgar 177,64 ha; Nông trường Cương Đăng 332,78 ha</p> <p>3. Thống nhất trồng mới trong năm 2020 trên diện tích 772,31 ha; tổng số lượng cây giống cao su trồng mới và trồng dặm 442.528 cây. Chất lượng cây giống đạt tiêu chuẩn của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, cơ cấu giống RRIV124, PB312, RRIV209, tùy vùng trồng.</p> <p>4. Thống nhất thành lập bộ phận Quản lý chất lượng trực thuộc phòng Kỹ thuật của Dakruco, bắt đầu từ năm 2020.</p> <p>5. Thống nhất ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Dakruco</p> <p>6. Thống nhất một chủ trương kêu gọi liên kết đầu tư kinh doanh; triển khai khảo sát đánh giá hiện trạng và lập kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý vườn cao su theo hướng phát triển bền vững; Thống nhất để tên đơn vị trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các Chi nhánh theo đúng diện tích đất mà đơn vị đang được giao quản lý.</p>
15	Số 15/NQ-HĐQT	14/11	<p>1. Thống nhất chủ trương giao cho Ban điều hành lập vườn nhân giống và trồng thí điểm cây dứa MD2 trên diện tích 10 ha thu hồi đất liên kết trồng cà phê đã hết hạn hợp đồng tại chi nhánh Nông trường Cư Bao. Thời gian thực hiện từ nay đến 2021.</p> <p>2. Giao cho Ban điều hành hợp tác với Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Vinh An, tiến hành thí điểm phương pháp nhân giống cây Dứa MD2 bằng phương pháp tách chồi trên một phần diện tích 03 ha làm vườn ươm và triển khai nhân rộng khi thí điểm thành công.</p> <p>3. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xem xét phê duyệt dự toán chi phí trồng thí điểm cây dứa MD2 và việc nhân giống theo phương pháp tách chồi trên diện tích đất đã được phê duyệt...</p>
16	Số 16/NQ-HĐQT	05/12	<p>1. Chuyển toàn bộ diện tích cao su hiện có do Nông trường Cư Bao quản lý 612,21 ha sang cho Nông trường Phú Xuân quản lý. Giải thể Ban chỉ đạo Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giao cho Nông trường Cư Bao tiếp nhận, quản lý và sử dụng diện tích, tài sản, lao động hiện có do Ban chỉ đạo Dự án chuyển sang.</p> <p>2. Thống nhất chức năng và nhiệm vụ của chi nhánh Nông trường Cư Bao.</p> <p>3. Thống nhất về tổ chức bộ máy của chi nhánh Nông trường Cư Bao.</p> <p>4. Thống nhất giao Tổng Giám đốc điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý sau khi sát nhập chi nhánh Nông trường Cư Bao và giải thể Ban dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.</p> <p>5. Giao cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện thủ tục pháp lý, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Nông trường Cư Bao; chỉ đạo sắp xếp lại tổ chức sản xuất, hoạt động tại chi nhánh Nông trường Cư Bao và điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý theo ý kiến của HĐQT.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
17	Số 17/NQ-HĐQT	16/12	<p>1. Triển khai các bước làm thủ tục theo quy định của Pháp luật để thoái phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần cao su Đăk Lăk, với số cổ phần tương đương với 62,94% vốn điều lệ của Công ty, để vốn Nhà nước tại Công ty chỉ còn 36% vốn điều lệ.</p> <p>2. Tạm dừng việc thoái vốn đối với các dự án trồng cao su tại tỉnh Mondulakiri-Vương quốc Campuchia; cổ phiếu của DRI và cụm khách sạn Dakruco. Những chủ trương đã được quyết định tại điều 2 và điều 4; Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 26/7/2019 và Nghị quyết số 13/NQ- HĐQT ngày 25/9/2019 của Hội đồng quản trị và các văn bản khác của HĐQT về nội dung trên sẽ tạm dừng, cho đến khi HĐQT có chủ trương mới.</p> <p>3. Thống nhất giao cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nội dung tại điều 1 và điều 2 của Nghị quyết này và báo cáo với HĐQT trong phiên họp cuối năm.</p>
18	Số 18/NQ-HĐQT	26/12	<p>1. Thống nhất chủ trương xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Dakruco trong năm 2020.</p> <p>2. Thống nhất chủ trương xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đăk Lăk (DRI) năm 2020.</p> <p>3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 và năm 2018 chuyển sang DRI: Chia cổ tức 4%; Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% trên lợi nhuận sau thuế của năm 2019; số còn lại trích lập quỹ đầu tư phát triển.</p> <p>4. Thống nhất giao cho Người đại diện vốn của Dakruco tại DRI biểu quyết việc tăng vốn điều lệ và nguồn huy động vốn tại cuộc họp HĐQT đối với Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DRI.</p>

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tháng 5/2019, được ĐHĐCĐ quyết định thay thế ông Âu Quý Vinh bằng ông Nguyễn Văn Thảo, lý do ông Vinh có đơn xin thôi không tham gia Ban Kiểm soát, như vậy Ban Kiểm soát có 3 thành viên chuyên trách.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng Ban	TV BKS từ 29/09/2018	4/4	100%	
2	Phan Thanh Tân	Thành viên	TV BKS từ 29/09/2018	4/4	100%	
3	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên	TV BKS từ 06/05/2019	3/3	100%	
4	Âu Quý Vinh	Thành viên	Thôi TV BKS từ ngày 06/05/2019	1/4	100%	Từ nhiệm từ 06/05/2019

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ của Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

Đối với hoạt động của HĐQT

- HĐQT Công ty đã chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ để ra, trong bối cảnh rất nhiều khó khăn do cơ chế thị trường và do thu hẹp sản xuất nhưng vẫn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đại hội đề ra. HĐQT luôn tìm tòi nghiên cứu tham quan học hỏi các mô hình mới về Nông nghiệp Công nghệ cao, tìm kiếm các nhà cung ứng và tiêu thụ sản phẩm từ đó đề xuất các phương án tổ chức sản xuất đa dạng hóa cây trồng. Mục tiêu là tăng hiệu quả SXKD giải phóng thể độc canh về cây cao su, mà hiện nay thị trường đã bão hòa cho hiệu quả kinh tế thấp.
- Hoạt động của HĐQT có chất lượng và chiều sâu thể hiện trong năm qua đã ban hành 18 nghị quyết chỉ đạo điều hành liên quan đến công tác tổ chức, công tác kinh doanh và đầu tư. Sự chỉ đạo của HĐQT hết sức kịp thời và có tính định hướng cao giúp cho Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ.
- Trong HĐQT thể hiện sự đoàn kết, dân chủ và đồng thuận cao về những chủ trương định hướng đề ra cho Công ty, đồng thời thể hiện sự chặt chẽ cẩn trọng tuân thủ quy định về phát lý khi đề ra các chủ trương nghị quyết về các vấn đề liên quan đến thoái vốn, thu hồi đất giao trả đất cho nhà nước, đầu tư phát triển dự án, tái cơ cấu bộ máy quản lý.

Đối với Ban điều hành

- Bộ máy quản lý được tinh gọn, được rà soát và củng cố kể từ sau khi chuyển qua mô hình cổ phần hóa cuối năm 2018 theo đúng phương án được phê duyệt khi cổ phần. Ban Tổng Giám đốc trực tiếp là các người đứng đầu đã thể hiện tốt vai trò trong việc chỉ đạo và điều hành hoạt động công ty.
- Công tác điều hành thực hiện đã thực hiện đúng theo khuôn khổ pháp lý quy định của điều lệ và pháp luật, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT của ĐHĐCĐ trong năm. Các chỉ tiêu về SXKD, đầu tư đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Các phát sinh mới trong quá trình điều hành ngoài kế hoạch SXKD như thanh lý tài sản vườn cây, công tác thanh lý hợp đồng cao su liên kết, bàn giao đất đai,... Ban điều hành đều có tờ trình xin chủ trương từ HĐQT để xử lý đúng thẩm quyền.
- Thường xuyên rà soát đào tạo cán bộ kế cận để bổ sung cán bộ quản lý có năng lực cho các chi nhánh. Trong năm qua đã thực hiện công tác luân chuyển bổ nhiệm cán bộ nhất là lĩnh vực đầu tư Nông nghiệp Công nghệ cao, đến nay các cán bộ được bổ nhiệm đã phát huy tốt trách nhiệm trong công việc và bước đầu giúp hệ thống quản lý ổn định.
- Tuy nhiên một số nội dung nhiệm vụ, do nhiều nguyên nhân khách quan về cơ chế cũng như thị trường dẫn đến chưa hoàn thành như công tác thoái vốn của dự án cao su tại Campuchia, thoái vốn khách sạn hoặc giảm mức đầu tư tại CTCP DRI. Công tác bàn giao vốn sau cổ phần hóa cho nhà nước vẫn chưa hoàn tất chủ yếu do phía UBND Tỉnh. Công tác quản lý đất đai đã đi vào ổn định không có lấn chiếm nhưng việc phân định cắm mốc và bàn giao đất vẫn chưa hoàn thành, phần lớn diện tích bị xâm lấn tại Nông trường cao su Cukpô dù kiện ra tòa nhưng vẫn chưa thu hồi được.

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù Lao
Hội đồng quản trị			
Nguyễn Việt Tượng	Chủ tịch HĐQT	517.742.000	
Bùi Quang Ninh	TV HĐQT kiêm TGD	479.893.000	
Nguyễn Độ	TV HĐQT kiêm P.TGD	388.307.000	
Nguyễn Trần Giang	TV HĐQT kiêm Kế toán trưởng	385.489.000	
Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT		71.237.000
Đỗ Văn Định	Thành viên HĐQT		71.237.000
Nguyễn Văn Nam (8 tháng)	Thành viên HĐQT		47.490.000
Lê Đình Huyền (4 tháng)	Thành viên HĐQT		23.746.000
Ban kiểm soát			
Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban	388.307.000	
Phan Thanh Tân	Thành viên BKS	155.323.000	
Nguyễn Văn Thảo (từ 16/5/19- 31/12/19)	Thành viên BKS	97.597.000	
Âu Quý Vinh (từ 1/1-15/5/19)	Thành viên BKS	57.726.000	
Tổng cộng		2.470.384.000	213.710.000

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:
- Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty Cổ phần Cao Su Đắk Lắk luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty.



PHẦN VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số: 20/2020/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020, từ trang 09 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

1. Như trình bày tại Mục I.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2018. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành quyết toán vốn Nhà nước cho giai đoạn từ ngày 30/09/2016 (thời

điểm xác định giá trị doanh nghiệp) đến ngày 30/09/2018 (ngày cuối cùng trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần). Do đó, phần quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước này có thể ảnh hưởng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (nếu có) có thể thay đổi khi có Quyết định phê duyệt chính thức của Cơ quan có thẩm quyền.

2. Như trình bày tại thuyết minh số V.15 "Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước", Các nghĩa vụ thuế với Ngân sách về các loại thuế đã được công ty xác định căn cứ vào các quy định chung của cơ quan thuế. Tuy nhiên các khoản mục này có thể thay đổi khi được cơ quan thuế quyết toán. Khoản chênh lệch giữa số xác định của Công ty và quyết toán của cơ quan thuế sẽ làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019. Do vậy, khoản thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước tại thời điểm 31/12/2019 còn tùy thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan thuế quản lý. Do đó, trong trường hợp có sự thay đổi khoản thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước khi có quyết toán thuế của cơ quan thuế quản lý thì có thể ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (nếu có).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Số liệu kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018, chỉ có tính chất tham khảo, không thể so sánh được vì có sự khác biệt về thời gian so sánh. Số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính hợp nhất này được lấy theo số dư cuối kỳ của báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 (Kỳ hoạt động đầu tiên của loại hình Công ty cổ phần).

Tp. Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNĐKHN số: 2896-2019-071-1
Chữ ký được ủy quyền



Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		343.729.407.552	431.980.559.234
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	110.174.967.921	112.129.082.952
111	1. Tiền		70.889.271.656	59.070.204.904
112	2. Các khoản tương đương tiền		39.285.696.265	53.058.878.048
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		33.000.000.000	30.000.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	33.000.000.000	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		49.721.535.322	115.219.841.971
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	42.456.045.233	41.254.643.824
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	10.833.876.349	13.688.306.336
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	-	19.624.880
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	7.355.833.885	60.257.266.931
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(10.924.220.145)	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	145.261.441.565	170.131.132.498
141	1. Hàng tồn kho		153.183.335.949	175.821.974.641
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(7.921.894.384)	(5.690.842.143)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.571.462.744	4.500.501.813
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	11.749.900	9.943.583
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.434.152.502	4.490.558.230
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.125.560.342	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.800.036.626.159	2.895.929.193.817
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.989.990.782	17.704.974.017
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5	14.496.132.681	17.606.833.914
216	2. Phải thu dài hạn khác		97.469.060	98.140.103
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(3.603.610.959)	-
220	II. Tài sản cố định		1.914.504.603.858	2.104.863.761.685
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	1.765.405.193.804	1.851.697.538.206
222	- Nguyên giá		2.770.770.967.352	2.808.791.880.897
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.005.365.773.548)	(957.094.342.691)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	149.099.410.054	253.166.223.479
228	- Nguyên giá		151.717.413.904	255.670.802.921
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.618.003.850)	(2.504.579.442)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		800.642.579.161	696.780.683.981
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		5.342.164.574	3.457.044.697
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	795.300.414.587	693.323.639.284
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		31.718.363.596	31.991.657.304
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.786.741.928	8.060.035.636
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.931.621.668	23.931.621.668
260	VI. Tài sản dài hạn khác		42.181.088.762	44.588.116.830
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	42.181.088.762	44.588.116.830
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.143.766.033.711	3.327.909.753.051

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.212.441.527.862	1.374.085.049.167
310	I. Nợ ngắn hạn		664.743.990.843	821.024.204.671
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	34.961.090.540	23.477.223.491
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	18.003.446.004	6.363.345.927
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	9.627.949.595	13.763.857.255
314	4. Phải trả người lao động		98.088.793.073	90.230.388.051
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	7.221.331.743	4.096.701.683
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		10.653.807	10.653.807
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	69.358.120.249	182.440.572.206
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	397.346.458.232	467.355.429.532
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.713.584.184	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		28.412.563.416	33.286.032.719
330	II. Nợ dài hạn		547.697.537.019	553.060.844.496
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		415.498.454	426.152.261
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.17b	69.374.552.622	774.400.750
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	477.907.485.943	551.860.291.485
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.931.324.505.849	1.953.824.703.885
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	1.931.324.505.849	1.953.824.703.885
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
417	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(31.989.043.382)	(6.066.644.199)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.443.978.289	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		105.939.136.094	96.313.394.350
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		86.429.904.632	73.947.205.940
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		19.509.231.462	22.366.188.410
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		293.930.434.848	305.577.953.733
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.143.766.033.711	3.327.909.753.051

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Buôn Ma Thuột, ngày 30 tháng 03 năm 2020


Tổng Giám Đốc



NGUYỄN THỊ THU HIỀN



NGUYỄN TRẦN GIANG



BÙI QUANG NINH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	957.969.251.060	289.290.570.106
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	(758.081)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		957.969.251.060	289.291.328.187
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	820.728.691.906	248.713.266.454
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		137.240.559.154	40.578.061.733
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	23.536.003.570	12.255.404.296
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	91.958.649.934	23.088.323.427
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		68.195.924.569	18.661.290.681
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		153.951.445	126.598.088
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	40.516.420.604	16.178.244.242
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	61.384.184.778	9.303.377.155
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(32.928.741.147)	4.390.119.293
31	12. Thu nhập khác	VI.7	109.436.392.563	37.488.382.019
32	13. Chi phí khác	VI.8	25.507.522.069	2.582.768.979
40	14. Lợi nhuận khác		83.928.870.494	34.905.613.040
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.000.129.347	39.295.732.334
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	15.211.647.292	8.048.640.160
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		35.788.482.056	31.247.092.174
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		20.668.357.778	22.366.188.410
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		15.120.124.278	8.880.903.764
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	133	119
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	133	119

Buôn Ma Thuột ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

NGUYỄN TRẦN GIANG

BÙI QUANG NINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		51.000.129.347	39.295.732.334
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	V.9, V.10	131.244.942.020	32.196.353.187
03	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.2, V.7	16.758.883.345	2.841.318.281
04	- Các khoản dự phòng		1.468.747.940	1.355.922.647
05	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(92.476.679.392)	(37.766.527.005)
06	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		68.195.924.569	18.661.290.681
07	- Chi phí lãi vay	VI.4	-	-
08	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
09	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		176.191.947.830	56.584.090.124
10	- Tăng, giảm các khoản phải thu		67.540.524.311	4.265.809.958
11	- Tăng, giảm hàng tồn kho		22.638.638.692	(6.423.257.310)
12	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(158.497.133.998)	(89.529.731.475)
13	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.405.221.751	(9.929.404.003)
14	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
15	- Tiền lãi vay đã trả		(64.835.445.891)	(18.551.975.174)
16	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(13.474.740.890)	(5.004.738.136)
17	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		57.308.793.627	59.125.046.518
18	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(52.339.007.512)	(362.398.707)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		36.938.797.920	(9.826.558.206)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(196.378.255.250)	(40.085.351.863)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		287.887.893.866	153.766.505.146
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.107.007.848)	(75.977.975)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		26.541.889.550	1.367.666.206
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	6.. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.473.232.703	5.238.837.982
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		101.417.753.021	120.211.679.496
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	861.585.049.419	214.597.421.668
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(989.133.484.851)	(298.706.459.756)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.082.573.900)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(140.631.009.332)	(84.109.038.088)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(2.274.458.391)	26.276.083.202
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		112.129.082.952	85.420.448.278
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		320.343.360	432.551.471
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	110.174.967.921	112.129.082.952

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

NGUYỄN TRẦN GIANG

BÙI QUANG NINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 03 Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Cao su Đaknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondolkiri (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 6000175829 (được điều chỉnh lần thứ 6 vào ngày 01/10/2018 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 cấp ngày 15/11/2010) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: trồng, khai thác, chế biến cao su, kinh doanh nhà hàng, khách sạn...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn là:

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua, bán: Mủ cao su và một số nông sản trồng xen cao su;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua, bán: Vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua, bán: Phân bón, nhiên liệu, thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, bất động sản và dịch vụ liên quan đến kho bãi (vận chuyển, nâng hạ hàng hóa, bao bì, container);
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận chuyển khách du lịch và làm đại lý vận chuyển khách du lịch trong nước và quốc tế. Vận tải theo tuyến cố định và theo hợp đồng; vận tải khách bằng xe buýt, xe du lịch, xe taxi;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Kinh doanh massage. Kinh doanh karaoke;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Tập đoàn thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ ngày 01/10/2018, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với pháp nhân mới là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn chưa quyết toán vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần và chưa bàn giao tài sản và nguồn vốn từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty cổ phần.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong năm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 03 Công ty

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Trồng cây công nghiệp - chế biến	66,6%	66,6%	66,6%
2.	Công ty CP Cao su Đaknoruco	Thôn 13, xã Đak Lao, huyện Đak Mil, tỉnh Đak Nông	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su.	73,4%	73,4%	73,4%
3.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018, chỉ có tính chất tham khảo, không thể so sánh được vì có sự khác biệt về thời gian so sánh. Số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính hợp nhất này được lấy theo số dư cuối kỳ của báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 (kỳ hoạt động đầu tiên của mô hình Công ty cổ phần).

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 2.578 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 31/12/2018 là 2.637 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

2a. Hợp nhất với Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 bao gồm Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 03 Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Cao su Đaknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondokiri. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián

tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2b. Hợp nhất với Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được điều chỉnh giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tập đoàn khấu hao theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính, số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 06
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định khác	5 - 10

Riêng khấu hao TSCĐ đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên công văn số 1937/BIC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Hiện giá vườn cây cao su

Căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 5 Thông tư số 12/2011/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn xác định giá trị vườn cây cao su khi cổ phần hóa thì không khấu hao đối với hiện giá vườn cây cao su mà sẽ hạch toán vào chi phí toàn bộ khi thanh lý vườn cây cao su.

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh

và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm/kỳ trước, đến năm nay/kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của kỳ sau.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được

tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

Tỷ giá mua chuyển khoản của các ngân hàng mà Công ty giao dịch tại 31/12/2019 như sau:

	Mua chuyển khoản VND/USD	Bán chuyển khoản VND/USD
Ngân hàng TMCP BIDV - CN Đắk Lắk	23.110	23.230
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đắk Lắk	23.107	23.227
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Đắk Lắk	23.120	23.220

Tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Đắk Lắk tại 31/12/2019 là 25.759 VND/EUR.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – công ty con để tổng hợp vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cơ sở ở nước ngoài phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch/bình quân của kỳ kế toán do xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được tổng hợp vào Báo cáo tài chính Hợp nhất được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư đó.

STT	Công ty	Đồng tiền hạch toán	Tỷ giá chuyển đổi tại ngày 31/12/2019	Tỷ giá chuyển đổi tại ngày 31/12/2018
1	Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk	LAK	0,3958 LAK/VND	0,3776 LAK/VND
2	Công ty TNHH Phát triển cao su Đắk Lắk – Mondulkiri	KHR	0,1755 KHR/VND	0,1743 KHR/VND

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	5.939.678.222	4.470.553.495
Tiền gửi ngân hàng	64.949.593.434	54.599.651.409
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	39.285.696.265	53.058.878.048
Cộng	110.174.967.921	112.129.082.952

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	33.000.000.000	33.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP BIDV VN - CN Đắk Lắk	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đắk Lắk	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Agribank CN Đắk Lắk	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	33.000.000.000	33.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
Phải thu các bên liên quan	3.757.574.500	3.757.574.500
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Phải thu các khách hàng khác	38.698.470.733	37.497.069.324
- Công ty Cổ phần FURNIWEB (Việt Nam)	5.607.662.500	-
Công ty TNHH TM&DV Sản Xuất Quân Quân	5.903.717.200	-
Công ty TNHH MTV TMDV Gia Phước	-	14.369.670.000
Ukko Corporation	3.753.316.224	9.268.579.853
RI International	3.062.879.063	-
CENTROTRADE	4.239.668.160	-
Các khách hàng khác	16.131.227.586	13.858.819.471
Cộng	42.456.045.233	41.254.643.824

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Trả trước cho người bán khác	10.833.876.349	13.688.306.336
- Công ty TNHH Trúc Phổ	4.443.540.077	4.443.540.077
- Công ty xây dựng cầu đường Champasak	-	1.548.326.796
- XDCB Lê Văn Yên - Công ty xây dựng Champasak	91.273.229	1.532.533.008
- Envirotech service Co.,Ltd	1.151.564.091	2.814.016.684
- Công ty A.T.V.H Trade cooperation	-	861.244.980
- Công ty Tâm Thành Phát	1.404.690.000	-
- Các đối tượng người bán khác	3.742.808.952	2.488.644.791
Cộng	10.833.876.349	13.688.306.336

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Các khoản cho vay ngắn hạn	-	-	19.624.880	19.624.880
- Các hộ cao su liên kết	-	-	19.624.880	19.624.880
Các khoản cho vay dài hạn	14.496.132.681	14.496.132.681	17.606.833.914	17.606.833.914
- Nông trường cao su Cư Mgar	8.493.952.814	8.493.952.814	10.929.855.351	10.929.855.351
- Nông trường cao su Cư Bao	431.805.781	431.805.781	620.258.659	620.258.659
- Nông trường cao su Phú Xuân	-	-	20.077.266	20.077.266
- Nông trường cao su Cuơ Đăng	704.149.852	704.149.852	1.126.177.830	1.126.177.830
- Cho vay đầu tư cao su liên kết tại Campuchia	4.866.224.234	4.866.224.234	4.910.464.808	4.910.464.808
Cộng	14.496.132.681	14.496.132.681	17.626.458.794	17.626.458.794

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.282.032.633	-	57.314.205.428	-
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	53.610.717.872	-
- Phải thu nhân viên về BHXH	649.337.784	-	668.730.208	-
- Lãi dự thu của các Hợp đồng tiền gửi	373.154.000	-	473.367.000	-
- Phải thu về thuế TNCN	183.360.498	-	207.094.069	-
- Các đối tượng phải thu khác	2.076.180.351	-	2.354.296.279	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.000.000	-	18.000.000	-
Tạm ứng CBCNV	4.055.801.252	-	2.925.061.503	-
Cộng	7.355.833.885	-	60.257.266.931	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Số đầu năm	-	-
Tăng từ mua công ty con	-	-
Trích lập dự phòng	(10.924.220.145)	-
Số cuối năm	(10.924.220.145)	-

8. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.267.750.820	-	18.934.453.167	(928.163.273)
Công cụ, dụng cụ	11.669.672.226	-	5.623.816.253	(44.409.011)
Chi phí SXKD dở dang	11.759.069.137	-	17.860.157.860	-
Thành phẩm	35.485.784.433	(7.921.894.384)	131.547.000.923	(4.674.120.034)
Hàng hóa	72.738.930.210	-	361.993.589	-
Hàng gửi đi bán	352.955.616	-	1.494.552.850	(44.149.825)
Cộng	153.183.335.949	(7.921.894.384)	175.821.974.641	(5.690.842.143)

- Nguyên vật liệu là các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các phụ gia dùng chế biến mủ cao su, các vật liệu dùng để đóng gói thành phẩm và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, kiềng, chén hứng mủ, dây cột kiềng, dây hứng mủ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị mủ nguyên liệu ở nhà máy chế biến tại 31/12/2019 chưa đưa vào sản xuất ra thành phẩm.
- Thành phẩm là các sản phẩm mủ cao su gồm mủ cốm các loại SVR5, SVR 10, SVR 20, SVR 3L, SVR CV60, Mủ nước latex HA, Mủ Skim block.
- Hàng hóa là mủ thành phẩm mua ngoài gồm mủ cốm SVR 10 và mủ Latex HA.
- Cuối kỳ, Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2019.
- Tập đoàn không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí bảo hiểm	11.749.900	9.943.583
Cộng	11.749.900	9.943.583

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chênh lệch giá trị quyền thuê đất theo định giá GTDN	6.030.964.730	6.270.605.714
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.755.514.975	5.181.558.859
Tiền thuê văn phòng	-	4.775.575.471
Giá trị thương hiệu	2.773.213.263	4.357.906.551
Chi phí sửa chữa	5.272.258.947	2.751.227.640
Tiền thuê đất dự án trồng chuối	3.052.652.663	1.197.352.995
Chi phí khác chờ phân bổ	21.296.484.184	20.053.889.600
Cộng	42.181.088.762	44.588.116.830

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	521.198.367.131	361.205.967.228	88.815.535.320	3.828.071.300	1.787.936.647.175	45.807.292.742	2.808.791.880.897
Tăng trong năm	18.988.274.838	11.255.296.847	18.239.199.142	-	66.238.084.910	-	114.720.855.737
Giảm trong năm	(2.749.526.746)	(3.266.833.004)	(3.481.175.509)	(113.531.278)	(71.815.798.420)	-	(81.426.864.957)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(6.540.209.912)	(3.505.921.002)	(3.814.810.408)	(13.354.580)	(57.440.608.423)	-	(71.314.904.325)
Số cuối năm	530.896.905.311	365.688.510.069	99.758.748.545	3.701.185.443	1.724.918.325.242	45.807.292.742	2.770.770.967.352
Khấu hao							
Số đầu năm	251.984.263.947	236.568.169.715	59.300.957.916	2.408.487.449	380.089.727.814	26.742.735.850	957.094.342.690
KH trong năm	24.529.330.874	21.503.700.309	7.000.608.182	510.421.270	77.541.733.451	30.227.506	131.116.021.591
Giảm trong năm	(1.362.299.232)	(2.952.253.233)	(2.787.704.179)	(98.345.590)	(59.519.117.013)	-	(66.719.719.247)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(4.302.494.549)	(2.106.994.612)	(1.183.975.326)	(11.638.750)	(8.519.768.250)	-	(16.124.871.487)
Số cuối năm	270.848.801.040	253.012.622.179	62.329.886.593	2.808.924.378	389.592.576.002	26.772.963.356	1.005.365.773.548
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	269.214.103.184	124.637.797.513	29.514.577.404	1.419.583.852	1.407.846.919.361	19.064.556.892	1.851.697.538.206
Số cuối năm	260.048.104.271	112.675.887.890	37.428.861.952	892.261.065	1.335.325.749.240	19.034.329.386	1.765.405.193.804

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 173.269.882.932 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2019 là 36.124.216.545 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2019 là 1.355.567.543.340 đồng (xem tại thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết diện tích các vườn cao su tại 31/12/2019:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích vườn cao su (ha)
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk		1.807,40
Chi nhánh Nông trường Cuôcdăng	Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk	521,62
Chi nhánh Nông trường Cukpô	Xã Cư K'pô - Huyện Krông Búk - Tỉnh Đắk Lắk	413,17
Chi nhánh Nông trường Cubao	Thôn 8 - Xã Cư Bao-Thị xã Buôn Hồ -Tỉnh Đắk Lắk	85,60
Chi nhánh Nông trường Phú Xuân	Km 20 Quốc lộ 14 - Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar	153,07
Chi nhánh Nông trường Cumgar	Km 20 tỉnh lộ 8 - xã EakPam - Huyện Cư M'gar	633,94
Công ty TNHH Phát triển cao su Đắk Lắk Mondolkiri	Phom Chrey Sangkat Monorom, Sen Monorom, Mondolkiri	299,99
Công ty Cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk		8.797,55
Nông trường 1	Bản Mây - Bachieng - Champasak, Lào	2.540,08
Nông trường 2	Bản Vang Kha Nan - Lào Ngam - Salavan, Lào	1.939,64
Nông trường 3	Bản Noóng Pak Het - Pathumphone - Champasak, Lào	2.844,21
Nông trường 4	Bản Noóng Kè - Lào Ngam - Salavan, Lào	1.473,62
Công ty Cổ phần cao su Daknoruco		623,50
	Xã ĐăkRlar, huyện Đăkmil, Tỉnh Đắk Nông	267,81
	Xã ĐăkRót, huyện Đăkmil, Tỉnh Đắk Nông	16,03
	Xã Đức Mạnh, huyện Đăkmil, Tỉnh Đắk Nông	91,41
	Xã Thuận An, huyện Đăkmil, Tỉnh Đắk Nông	41,41
	Xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song, Tỉnh Đắk Nông	29,27
	Xã Đăk Mól, huyện Đăk Song, Tỉnh Đắk Nông	62,73
	Xã ĐăkBukSo, huyện Tuy Đức, Tỉnh Đắk Nông	114,84
Cộng		11.528,44

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng có thời hạn	Phần mềm máy tính	Hiện giá vườn cây cao su (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	6.182.310.849	2.067.596.658	247.420.895.414	255.670.802.921
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(103.925.214.433)	(103.925.214.433)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(28.174.584)	(28.174.584)
Số cuối năm	6.182.310.849	2.067.596.658	143.467.506.397	151.717.413.904
Khấu hao				
Số đầu năm	359.857.743	1.818.379.611	326.342.088	2.504.579.442
KH trong năm	10.653.807	59.812.100	58.454.522	128.920.429
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(15.496.021)	(15.496.021)
Số cuối năm	370.511.550	1.878.191.711	369.300.589	2.618.003.850
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.822.453.106	249.217.047	247.094.553.326	253.166.223.479
Số cuối năm	5.811.799.299	189.404.947	143.098.205.808	149.099.410.054

(*) Theo quy định tại điểm d Khoản 2, Điều 5 Thông tư 132/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính về "hướng dẫn phương pháp xác định giá trị vườn cây cao su khi cổ phần hóa" thì giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá TSCD đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2019 là 0 đồng

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
Tại Công ty mẹ	579.406.574.458	479.923.126.663
Nông trường Phú Xuân	179.755.239.347	169.070.560.018
Vườn cây cao su trồng năm 2012	21.604.780.082	28.551.861.975
Vườn cây cao su trồng năm 2013	8.707.026.979	26.272.305.212
Vườn cây cao su trồng năm 2014	4.827.773.912	4.405.963.586
Vườn cây cao su trồng năm 2015	50.294.494.663	43.947.902.775
Vườn cây cao su trồng năm 2016	39.852.078.510	32.991.448.540
Vườn cây cao su trồng năm 2017	24.706.436.973	18.496.588.904
Vườn cây cao su trồng năm 2018	21.744.317.412	14.404.489.026
Vườn cây cao su trồng năm 2019	8.018.330.816	-
Nông trường Cukpô	239.091.224.669	187.902.057.249
Vườn cây cao su trồng năm 2012	17.459.433.221	15.533.177.182
Vườn cây cao su trồng năm 2013	28.777.415.755	25.382.435.030
Vườn cây cao su trồng năm 2014	21.375.382.441	18.869.849.708
Vườn cây cao su trồng năm 2015	47.795.789.766	41.601.848.373
Vườn cây cao su trồng năm 2016	61.436.039.319	51.158.447.963
Vườn cây cao su trồng năm 2017	30.998.065.265	22.225.014.023
Vườn cây cao su trồng năm 2018	19.123.056.276	13.131.284.970
Vườn cây cao su trồng năm 2019	12.126.042.626	-
Nông trường Cư Bao	44.479.932.206	35.751.008.880
Vườn cây cao su trồng năm 2015	4.033.572.476	3.492.530.270
Vườn cây cao su trồng năm 2016	32.671.186.143	26.859.230.665
Vườn cây cao su trồng năm 2017	7.775.173.587	5.399.247.945
Nông trường 19/8	65.976.505.569	76.338.270.192
Vườn cây cao su trồng năm 2012	-	19.203.055.550
Vườn cây cao su trồng năm 2013	25.659.399.726	22.317.473.224
Vườn cây cao su trồng năm 2014	23.148.428.162	20.197.617.512
Vườn cây cao su trồng năm 2015	7.274.277.974	6.450.304.957
Vườn cây cao su trồng năm 2016	2.445.629.071	1.987.067.274
Vườn cây cao su trồng năm 2017	7.448.770.636	6.182.751.675
Nông trường Cuôrdăng	7.382.821.850	5.529.178.045
Vườn cây cao su trồng năm 2017	7.382.821.850	5.529.178.045
Nông trường Cư Mgar	4.880.334.683	3.123.604.553
Vườn cây cao su trồng năm 2018	4.150.068.853	3.123.604.553
Vườn cây cao su trồng năm 2019	730.265.830	-
Nông nghiệp công nghệ cao	28.463.658.587	-
Vườn chuối trồng mới năm 2019	12.051.471.683	-
Vườn mít trồng mới năm 2019	4.967.184.081	-
Vườn sầu riêng trồng mới năm 2019	6.350.668.824	-
Dự án CNC trồng mới năm 2019 - Cau (18.250 cây)	188.006.000	-
Dự án CNC trồng mới năm 2019 - Chanh dây	4.810.365.119	-
Dự án CNC - Keo chắn gió (28.000 cây)	95.962.880	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)**

	31/12/2019	01/01/2019
Văn phòng Công ty	9.376.857.547	2.208.447.726
Khoan thăm dò nước ngầm	-	1.014.105.454
Chi phí đầu tư hạ tầng nông nghiệp CNC	7.742.639.331	111.635.000
Chi phí tư vấn khảo sát nông nghiệp CNC	547.564.000	-
Khung kho zamil chuyển CNC làm kho	886.654.216	-
Chi phí làm nhà gỗ (NNCNC)	200.000.000	-
Chi phí sửa chữa khác	-	1.082.707.272
Tại Công ty CP Cao su Daknoruco	30.677.678.939	23.304.425.757
Vườn cao su trồng mới 2019	2.035.156.495	-
Vườn cao su trồng mới 2018	2.887.399.258	1.890.921.467
Vườn cao su trồng mới 2017	3.714.504.858	2.888.376.255
Vườn cao su trồng mới 2016	4.421.963.535	3.550.678.093
Vườn cao su trồng mới 2015	3.770.534.247	3.026.276.817
Vườn cao su trồng mới 2014	2.961.123.724	2.459.942.467
Vườn cao su trồng mới 2013	3.552.844.662	3.102.547.922
Vườn cao su trồng mới 2012	7.003.606.705	6.055.137.281
Trụ sở văn phòng Công ty	153.245.455	153.245.455
Chi phí lập dự án tái canh cao su	177.300.000	177.300.000
Tại Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (*)	77.826.143.595	84.841.078.734
Vườn cao su	73.463.339.397	82.594.203.305
Vườn cà phê	241.543.042	-
Vườn chuối, sầu riêng	3.375.612.025	2.135.486.660
Công trình nhà làm việc	241.543.042	-
Vườn ươm cây giống	389.839.290	-
Đầu tư khác	114.266.799	111.388.769
Tại Công ty TNHH Phát triển Cao su	107.390.017.595	105.255.008.130
Chi phí cao su KTCB năm 2010	24.924.362.638	23.430.910.752
Chi phí cao su KTCB năm 2011	58.338.409.943	61.177.151.825
Chi phí cao su KTCB năm 2012	7.248.703.949	6.700.024.418
Chi phí cao su KTCB năm 2013	9.243.803.299	8.494.107.493
Đường lộ và đường giao thông	6.847.908.359	4.660.567.166
Nhà máy chế biến	786.829.407	792.246.476
Cộng	795.300.414.587	693.323.639.284

Giá trị chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang đang dùng cầm cố thế chấp các khoản vay ngân hàng tại 31/12/2019 là 615.270.940.763 đồng (xem tại thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Phải trả các bên liên quan	1.540.037.897	2.736.762.780
Công ty CP Cao su Thái Dương	-	1.709.568.000
Công ty CP Kỹ thuật cao su	1.073.349.907	635.159.460
Công ty TNHH Nông Nghiệp Công nghệ cao DRI	466.687.990	392.035.320
Phải trả các người bán khác	33.421.052.643	20.740.460.711
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	5.391.000.000	-
Công ty TNHH SX-TM-DV 999	-	4.237.916.450
Xăng dầu Petrovietnam Oil Lao Co.Ltd	1.025.932.287	1.385.169.492
Các đối tượng người bán khác	27.004.120.356	15.117.374.769
Cộng	34.961.090.540	23.477.223.491

Trong đó, nợ quá hạn thanh toán tại thời điểm 31/12/2019 là 0 đồng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác	18.003.446.004	6.363.345.927
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng (NHG)	10.000.000.000	-
Công ty sản xuất và Thương mại Sơn Hà	-	1.329.250.000
Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk	2.352.203.529	-
Các khách hàng khác	5.651.242.475	5.034.095.927
Cộng	18.003.446.004	6.363.345.927

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	31/12/2019	
	Phải thu	Phải nộp				Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	369.405.687	877.520.087	24.610.484.059	26.009.161.071	15.502.101	404.628.010	1.796.450.953
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	693.681.439	693.681.439	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	9.819.458.984	17.694.529.942	13.474.740.890	(6.778.423.808)	1.719.203.836	6.713.144.610
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.824.021.828	8.687.369.538	4.887.595.159	(4.601.156.467)	1.728.496	1.024.368.236
Thuế tài nguyên	-	385.920	8.597.922	8.653.794	-	-	330.048
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	55.285.329	10.270.782.396	9.433.048.372	(893.019.353)	-	-
Các loại thuế khác	-	1.187.185.107	1.042.305.662	1.576.240.906	(550.667.949)	-	102.581.915
Cộng	369.405.687	13.763.857.255	63.007.750.958	56.083.121.631	(12.807.765.476)	2.125.560.342	9.636.875.762

Số thuế phải nộp của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.000.129.347	39.295.732.334
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định	(23.616.553.067)	(30.729.685.997)
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.409.498.378	24.175.698.185
+ Chi thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	113.850.000	88.050.000
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	109.044.766	1.807.233.285
+ Chi phí không hợp lệ theo BBKT thuế	-	2.661.651.970
+ Chênh lệch do điều chỉnh số liệu định giá	-	19.618.762.934
+ Chi phí dự phòng phải thu khó đòi không có đủ hồ sơ	4.941.338.603	-
+ Chi phí trích dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con ở	42.463.535	-
+ Chi phí không hợp lệ khác	202.801.474	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	29.026.051.445	54.905.384.186
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.872.100.000	26.656.000.000
+ Lãi CLTG chưa thực hiện	-	3.851.752
+ Tăng giá vốn theo BBCT	-	396.532.766
+ Thu nhập do hợp nhất không tính thuế	-	27.150.798.360
+ Chuyển lỗ	-	571.603.220
+ Lợi nhuận từ công ty liên kết	153.951.445	126.598.088
Thu nhập chịu thuế	27.383.576.280	8.566.046.337
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	27.383.576.280	8.566.046.337
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	15.211.647.292	8.048.640.160
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	15.211.647.292	8.048.640.160

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
- Chi phí phân bón Ami	2.607.787.500	-
- Trích trước chi phí lãi vay	1.703.471.435	1.743.544.368
- Trích trước chi phí triển khai dự án ở các nông trường	812.330.874	905.715.972
- Chi phí vận chuyển và chi phí xuất hàng	-	640.471.180
- Chi phí kiểm toán	318.181.818	117.750.937
- Chi phí bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị năm 2019	414.585.200	-
- Chi phí phải trả khác	1.364.974.916	689.219.226
Cộng	7.221.331.743	4.096.701.683

17. Phải trả ngắn hạn khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>69.358.120.249</i>	<i>182.440.572.206</i>
Phải trả về cổ phần hóa	56.687.878.047	113.492.725.319
Kinh phí công đoàn	3.101.720.952	3.885.641.327
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	149.568.682	221.709.954
Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho NLD	-	54.655.211.872
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	313.910.875	-
Lãi huy động vốn cán bộ công nhân viên	1.234.600.000	-
Ban quản lý các dự án huyện Cư Kuin	1.000.000.000	-
Ủy ban Nhân dân huyện Krông Buk	500.000.000	-
Tiền thôi việc	2.668.812.442	-
Các đối tượng khác	3.701.629.251	10.185.283.734
Cộng	69.358.120.249	182.440.572.206

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>69.374.552.622</i>	<i>774.400.750</i>
- Công ty TNHH MTV Đông Anh	2.627.420.000	200.000.000
- Công ty cổ phần nông sản Sài Gòn - Ban Mê	1.968.800.000	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Hiệp Hưng	1.176.450.000	-
- Cơ sở kinh doanh nông sản Văn Hùng	1.154.600.000	-
- Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm hàng ngày Đà Lạt	1.770.540.000	-
- Cọc tiền mố gốc cây cao su Buôn Jù	-	168.000.000
- Công ty TNHH SX-TM-DV 999	-	100.000.000
- Văn Hùng (đặt cọc tiền thuê đất)	-	100.000.000
- Công ty TNHH Tân Xuân	-	97.000.750
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho NLD	54.655.211.872	-
- Các đối tượng khác	6.021.530.750	109.400.000
Cộng	69.374.552.622	774.400.750

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>324.328.289.028</i>	<i>322.304.271.153</i>	<i>399.756.892.876</i>	<i>399.756.892.876</i>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lào	87.256.133.265	87.256.133.265	129.398.982.169	129.398.982.169
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố HCM - CN Đắk Lắk	2.024.017.875	-	-	-
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	79.649.734.027	79.649.734.027	119.692.699.000	119.692.699.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Đắk Lắk	109.935.957.186	109.935.957.186	97.451.790.300	97.451.790.300
- Ngân hàng Việt Lào	26.802.308.063	26.802.308.063	41.849.015.209	41.849.015.209
- Tài khoản thấu chi tại BIDV Đắk Lắk	9.950.000.000	9.950.000.000	9.950.000.000	9.950.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Lập Bắc Đắk Lắk	8.710.138.612	8.710.138.612	1.414.406.198	1.414.406.198
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>73.018.169.204</i>	<i>73.018.169.204</i>	<i>67.598.536.656</i>	<i>67.598.536.656</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào	42.502.753.584	42.502.753.584	47.340.829.656	47.340.829.656
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk	30.515.415.620	30.515.415.620	20.257.707.000	20.257.707.000
Cộng	397.346.458.232	395.322.440.357	467.355.429.532	467.355.429.532

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số Số HD 01/2018/717996/HĐTD kỳ ngày 10/08/2018. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư Mgar, Nông trường cao su 30/4 và Nông trường cao su Phú Xuân (xem tại thuyết minh số V.5 và V.12).
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 18.38.0012/2018-HĐCVHM/NHCT502-CAOSUDAKLAK ngày 07/06/2018. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư Kpô, Nông trường cao su Cuôr Đăng (xem tại thuyết minh số V.5 và V.12).
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 20314/19MN/HĐTD ngày 05/08/2019. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (Mã DRI).

18b. Dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	550.925.655.147	550.925.655.147	619.458.828.141	619.458.828.141
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Lào	309.280.721.683	309.280.721.683	356.241.786.958	356.241.786.958
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk	202.786.415.620	202.786.415.620	223.047.495.250	223.047.495.250
- Vay dài hạn của Cán bộ công nhân viên	26.457.372.768	26.457.372.768	37.169.545.933	37.169.545.933
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đắk Lắk	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng Việt Lào	9.401.145.076	9.401.145.076	-	-
Cộng	550.925.655.147	550.925.655.147	619.458.828.141	619.458.828.141
Trong đó				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	73.018.169.204			67.598.536.656
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	477.907.485.943			551.860.291.485

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk theo các Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn cụ thể là:

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.BĐDN.01.230114 ngày 10/02/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DAL.BĐDN.01.230114/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày 10/02/2014 đến ngày 10/11/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ TS gắn liền với đất + tài sản gắn liền với đất của khu Khách sạn 4 sao (xem tại thuyết minh số V.5).
- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.BĐDN.02.230114 ngày 28/03/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DAL.BĐDN.02.230114/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày 28/03/2014 đến ngày 20/12/20123. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ TS gắn liền với đất khu văn phòng công ty 3,6 ha (xem tại thuyết minh số V.5).
- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DL.DN.03190908 ngày 06/10/2008 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DL.DN.03190908/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày Từ ngày 06/10/2008 đến

ngày 06/10/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ TS gắn liền với đất Nông trường Cao su Cư Bao (xem tại thuyết minh số V.5 và V.12).

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.DN.05080610 ngày 15/07/2010 và phụ lục hợp đồng số DAL.DN.05080610/PL-01 ngày 10/06/2013. Thời hạn vay từ ngày 15/07/2010 đến ngày 15/07/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ TS gắn liền với đất Nông trường Cao su 19/8 (xem tại thuyết minh số V.5 và V.12).

Vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo quyết định số 126/QĐ-CT ngày 29/03/2013 không quy định thời hạn vay cụ thể. Mục đích vay là để cho Công ty CP Chi thun Cao su Đắk Lắk (nay là Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk mươn) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 06/HĐTD/2013/KHDN ngày 05 tháng 6 năm 2013 với lãi suất ban đầu là 8%/năm (vay USD) và lãi suất là 11%/năm (vay LAK), mức lãi suất trên sẽ thay đổi theo thông báo của Ngân hàng tại từng thời điểm vay để thực hiện dự án đầu tư "Phát triển cao su, cà phê, điều tại các tỉnh Nam Lào". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản là giá trị vườn cây cao su tại Nông trường 2 và một phần diện tích vườn cây cao su tại Nông trường 4 tại tỉnh Salavan (xem tại thuyết minh số V.5 và V.12).

Ngày 29 tháng 3 năm 2014, Công ty tiếp tục ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào hợp đồng vay dài hạn số 06/HĐTD/2014/KHDN với tổng giá trị 160.000.000.000 LAK, lãi suất 6,5%/năm (vat USD) và 11%/năm (vay LAK) để "trả nợ công ty mẹ đã đầu tư vào dự án phát triển cao su, cà phê, điều của Công ty TNHH cao su Đăklak tại các tỉnh Nam Lào", thời hạn vay 11 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản là giá trị vườn cây cao su tại Nông trường 1 và Nông trường 3 (xem tại thuyết minh số V.5 và V.12).

Ngày 30/7/2019 Công ty ký kết hợp đồng tín dụng số 46/HĐ-LVB/2019, hạn mức tín dụng 729.186 USD với mục đích xây dựng cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải nhà máy chế biến mù cao su Daklaoruco. Thời gian rút vốn 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời gian cho vay 5 năm, kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ là 5 năm. Lãi suất kể từ ngày giải ngân là 10,5%/năm đối với kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo áp dụng bằng lãi suất thả nổi, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tại điều 9 của hợp đồng 46/HĐ-LVB/2019. Ngoài ra, một số khoản thế chấp bổ sung như sau:

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 50-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

Phụ lục 01.50: 113ha

Phụ lục 02.50: 372ha

(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất)

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 51-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất)

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 52-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

(một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mù theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018)

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 42-2014/LVB.CPS ngày 05/05/2015

(Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư	Chênh lệch	Quỹ đầu tư	LN sau thuế	Lợi ích của CD	Cộng
	của chủ sở hữu	tỷ giá hối đoái	phát triển	chưa phân phối	không kiểm soát	
Số dư tại 01/10/2018	1.558.000.000.000	11.245.720.307	8.010.275.322	59.045.206.922	292.670.685.262	1.928.971.887.813
Tăng trong năm	-	-	-	22.366.188.410	8.880.903.764	31.247.092.174
Tăng do hợp nhất	-	-	-	14.901.999.018	4.026.364.707	18.928.363.725
Giảm trong năm	-	(16.049.003.715)	(8.010.275.322)	-	-	(24.059.279.037)
CLTG do chuyển đổi báo cáo	-	(1.263.360.790)	-	-	-	(1.263.360.790)
Số dư tại 31/12/2018	1.558.000.000.000	(6.066.644.199)	-	96.313.394.350	305.577.953.733	1.953.824.703.885
Số dư tại 01/01/2019	1.558.000.000.000	(6.066.644.199)	-	96.313.394.350	305.577.953.733	1.953.824.703.885
Tăng trong năm	-	-	5.443.978.289	20.668.357.778	15.120.124.278	41.232.460.345
Giảm trong năm	-	(1.034.186.861)	-	-	(13.156.900.000)	(14.191.086.861)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	(10.873.650.864)	(2.691.353.039)	(13.565.003.903)
CLTG do chuyển đổi báo cáo	-	(25.057.177.492)	-	-	(10.919.390.124)	(35.976.567.616)
Số dư tại 31/12/2019	1.558.000.000.000	(32.158.008.552)	5.443.978.289	106.108.101.264	293.930.434.848	1.931.324.505.849

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk	98,94%	1.541.416.000.000	98,94%	1.541.416.000.000
Các cổ đông khác	1,06%	16.584.000.000	1,06%	16.584.000.000
Cộng	100%	1.558.000.000.000	100%	1.558.000.000.000

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19d. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.800.000	155.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

19e. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Số đầu năm	305.577.953.733	292.670.685.262
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	15.120.124.278	8.880.903.764
Tăng do hợp nhất tại Công ty con	-	4.026.364.707
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(13.156.900.000)	-
Giảm khác	(13.610.743.163)	-
Số cuối năm	293.930.434.848	305.577.953.733

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Doanh thu bán mủ cao su	837.456.949.368	266.438.877.460
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	26.344.817.468	6.216.489.998
Doanh thu vật tư khai thác	-	145.195.249
Doanh thu hoạt động khác	207.317.584	305.960.256
Doanh thu bán thành phẩm chỉ thun	62.705.515.001	9.065.545.053
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	31.254.651.639	7.118.502.090
Cộng	957.969.251.060	289.290.570.106

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Giá vốn cho thuê đất trồng xen	3.614.975.966	719.152.869
Giá vốn thành phẩm chỉ thun	69.264.890.712	11.256.355.759
Giá vốn bán mủ cao su	713.914.174.480	224.584.855.716
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	31.187.563.500	8.660.328.834
Giá vốn khác	44.872.529	72.410.340
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.803.981.233)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.506.195.952	3.420.162.936
Cộng	820.728.691.906	248.713.266.454

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.499.388.911	1.566.316.999
Lãi CLTG đánh giá lại cuối kỳ	9.885.097	201.086.135
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.605.000.000	19.496.842
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.595.413.015	6.815.480.179
Lãi đầu tư cao su liên kết	8.783.578.659	3.653.024.141
Lãi trả chậm	42.737.888	-
Cộng	23.536.003.570	12.255.404.296

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Chi phí lãi vay	68.195.924.569	18.661.290.681
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.529.967.728	2.705.643.842
Dự phòng đầu tư cho vay dài hạn	3.563.984.102	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	1.478.633.037	1.557.008.782
Lãi chi phí vận chuyển mủ trả nợ đầu tư	54.462.076	57.560.634
Chi phí tài chính khác	1.135.678.422	106.819.488
Cộng	91.958.649.934	23.088.323.427

5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	6.673.199.024	1.928.066.043
Chi phí nhân viên bán hàng	2.713.560.816	50.928.393
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	992.148.635	94.350.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.935.723.120	13.451.079.034
Chi phí khác bằng tiền	3.201.789.009	653.820.406
Cộng	40.516.420.604	16.178.244.242

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Chi phí nhân viên quản lý	13.481.001.988	5.461.973.468
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.982.283.397	1.748.847.847
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.966.717.380	1.077.741.340
Dự phòng phải thu khó đòi	10.920.788.145	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.055.197.367	248.255.438
Chi phí bằng tiền khác	7.978.196.500	766.559.063
Cộng	61.384.184.777	9.303.377.155

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Thu nhập từ thanh lý HD liên kết trước hạn	1.284.363.435	-
Thu nhập từ đền bù tài sản, đất	19.117.783.573	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	76.545.973.934	34.622.487.290
Thu tiền cho thuê mặt bằng quán cà phê	1.006.532.707	636.865.379
Thu từ chuyển nhượng dự án vườn cao su	6.992.776.990	-
Thu nhập khác	4.488.961.924 #	2.229.029.350
Cộng	109.436.392.563	37.488.382.019

8. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Chi phí dự phòng thuế GTGT phải nộp	1.724.237.991	-
Chi phí chuyển nhượng dự án vườn cao su	4.818.259.820	-
Chi phí liên quan đến thanh lý TSCĐ	-	2.094.798.267
Chi phí vườn cây bị thu hồi bồi thường	15.130.703.895	-
Các khoản phạt và truy thu thuế	779.324.390	215.260.847
Chi phí điện cho thuê nhà, mặt bằng	333.835.500	127.280.000
Vật tư hàng hóa hết hạn sử dụng	870.857.896	-
Chi phí khác	1.850.302.577	145.429.865
Cộng	25.507.522.069	2.582.768.979

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.668.357.778	22.366.188.410
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(3.790.704.660)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(3.790.704.660)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	20.668.357.778	18.575.483.750
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	155.800.000	155.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	133	119

(*) Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên của Công ty cũng không quy định cụ thể tỷ lệ trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	155.800.000	155.800.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	155.800.000	155.800.000

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.668.357.778	18.575.483.750
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	155.800.000	155.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	133	119

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	257.940.276.762	147.483.424.652
Chi phí nhân công	368.506.570.763	312.672.702.052
Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.244.942.020	89.020.085.755
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.538.027.074	43.232.413.329
Chi phí khác	22.313.960.307	20.727.069.346
Cộng	855.543.776.927	613.135.695.134

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (đơn vị tính: VND)

1. Tiền thu từ đi vay

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	861.585.049.419	214.597.421.668
Cộng	861.585.049.419	214.597.421.668

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	989.133.484.851	298.706.459.756
Cộng	989.133.484.851	298.706.459.756

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VND)

1. Các bên liên quan

1.a Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết
Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty liên kết
Quý Tín dụng Cao su Đắk Lắk	Đầu tư dài hạn khác
Công ty CP Cao su Thái Dương	Đầu tư dài hạn khác
Công ty TNHH Nông Nghiệp Công nghệ cao DRI	Công ty con của DRI

1.b Giao dịch với các bên liên quan

Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Doanh thu bán mù cao su	30.240.000	3.032.467.200
Công ty CP cao su Thái Dương	30.240.000	3.032.467.200
Doanh thu khác	35.552.000	-
Công ty CP kỹ thuật cao su	35.552.000	-
Cộng	30.240.000	3.032.467.200

Tên Công ty	Giao dịch	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Mua hàng			
Công ty CP Cao su Daknoruco	Mua mù cao su	-	347.292.780
Công ty CP kỹ thuật cao su	Mua hàng hóa, dịch vụ	20.648.365.757	2.231.037.431
Công ty CP cao su Thái Dương	Mua cao su	-	1.709.568.000
Công ty TNHH Nông Nghiệp Công nghệ cao DRI	Mua vật tư	734.687.990	-
Giao dịch khác			
Công ty CP cao su Thái Dương (doanh thu khác)		30.240.000	-
Công ty CP kỹ thuật cao su (doanh thu khác)		35.552.000	-
Công ty CP cao su Thái Dương (cổ tức)		1.125.000.000	-
Quý tín dụng cao su Đắk Lắk (chia cổ tức)		480.000.000	19.496.842

1c. Số dư với các bên liên quan

Tên Công ty	31/12/2019	01/01/2019
Nợ phải thu ngắn hạn		
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Phải trả người bán		
Công ty CP kỹ thuật cao su	1.073.349.907	632.918.460
Công ty CP Cao su Thái Dương	-	1.709.568.000
Công ty TNHH Nông Nghiệp Công nghệ cao DRI	466.687.990	392.035.320
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty CP Cao su Thái Dương	-	126.161.280

1.d Thu nhập của Ban điều hành

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018
Tiền lương	2.580.326.000	286.429.000
Phụ cấp, thù lao	178.092.000	27.000.000
Cổ tức	-	-
Cộng	2.758.418.000	313.429.000

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn;
- Sản xuất sợi chỉ thun.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

Nội dung	Nội địa	Nước ngoài	Cộng
Doanh thu	239.584.964.441	718.384.286.619	957.969.251.060
- Doanh thu bán mủ cao su	131.947.317.128	705.509.632.240	837.456.949.368
- Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	26.344.817.468	-	26.344.817.468
- Doanh thu cho thuê đất trồng xen	31.254.651.639	-	31.254.651.639
- Doanh thu hoạt động khác	207.317.584	-	207.317.584
- Doanh thu bán thành phẩm chỉ thun	49.830.860.622	12.874.654.379	62.705.515.001
Các khoản giảm trừ	-	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-	-
Thuế xuất khẩu	-	-	-
Thuế TTDB	-	-	-
Chi phí bộ phận	295.299.626.364	627.329.670.923	922.629.297.287
- Cao su, cà phê, điều	189.622.956.307	626.191.823.554	815.814.779.861
- Dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	31.187.563.500	-	31.187.563.500
- Giá vốn cho thuê đất trồng xen	3.614.975.966	-	3.614.975.966
- Hoạt động khác	44.872.529	-	44.872.529
- Giá vốn chỉ thun	68.127.043.343	1.137.847.369	69.264.890.712
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.506.195.952	-	4.506.195.952
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	(1.803.981.233)	-	(1.803.981.233)
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	(55.714.661.923)	91.054.615.696	35.339.953.773
Doanh thu tài chính	14.299.816.998	9.236.186.572	23.536.003.570
Chi phí tài chính	36.901.431.094	56.216.345.156	93.117.776.250
Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính	(22.601.614.096)	(46.980.158.584)	(69.581.772.680)
Thu nhập khác	105.786.040.616	3.650.351.947	109.436.392.563
Chi phí khác	24.084.256.976	1.423.265.093	25.507.522.069
Lãi/lỗ từ hoạt động khác	81.701.783.640	2.227.086.854	83.928.870.494
Lãi/lỗ từ công ty liên kết, liên doanh	153.951.445	-	153.951.445
Lợi nhuận trước thuế	3.539.459.066	46.301.543.966	49.841.003.032
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.213.733.406	13.997.913.886	15.211.647.292
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.325.725.660	32.303.630.080	34.629.355.740

	Nội địa	Nước ngoài	Cộng
Tài sản bộ phận			
- Tài sản ngắn hạn	214.979.343.877	128.750.063.675	343.729.407.552
- Tài sản dài hạn	2.130.309.968.276	669.727.157.883	2.800.037.126.159
Tổng tài sản	2.345.289.312.153	798.477.221.558	3.143.766.533.711
Nợ bộ phận			
- Nợ ngắn hạn	441.858.834.061	222.885.156.782	664.743.990.843
- Nợ dài hạn	271.518.423.844	276.179.113.175	547.697.537.019
Tổng nợ phải trả	713.377.257.905	499.064.269.957	1.212.441.527.862

3. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố thế chấp TSCĐ hữu hình và tài sản đang đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của mình để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18). Giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2019 là 1.355.567.543.340 đồng và giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2019 là 615.270.940.763 đồng.

4. Điều chỉnh hồi tố

Trong năm Công ty có điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trình bày trên số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của kỳ trước, cụ thể:

Chỉ tiêu trên kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

STT	Chi tiêu	Mã số	Kỳ trước (từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018) trước điều chỉnh	Kỳ trước (từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018) sau điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	282.172.068.016	289.290.570.106	7.118.502.090	1
2	Giá vốn hàng bán	11	247.994.113.585	248.713.266.454	719.152.869	1
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	34.178.712.513	40.578.061.733	6.399.349.220	1
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(2.009.229.927)	(2.469.486.103)	(20.460.256.176)	1
5	Thu nhập khác	31	44.606.884.109	37.488.382.019	(7.118.502.090)	1
6	Chi phí khác	32	3.301.921.848	2.582.768.979	(719.152.869)	1
7	Lợi nhuận khác	40	41.304.962.261	34.905.613.040	(6.399.349.221)	1
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	31.247.092.174	31.247.092.174	-	

(1) Doanh thu và chi phí hoạt động cho thuê đất trồng xen là hoạt động kinh doanh thường xuyên gắn với hoạt động kinh doanh chính của Công ty là trồng, khai thác và chế biến mủ cao su, theo đó Công ty trình bày lại và ghi nhận là doanh thu hoạt động khác, giá vốn hoạt động khác thay vì ghi nhận là thu nhập khác, chi phí khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Vietvalues. Số liệu kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 (kỳ hoạt động đầu tiên theo mô hình công ty cổ phần), kỳ trước là số liệu 03 tháng còn kỳ này là 12 tháng do đó chỉ có tính chất tham khảo, không thể so sánh được vì có sự khác biệt về thời gian so sánh.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

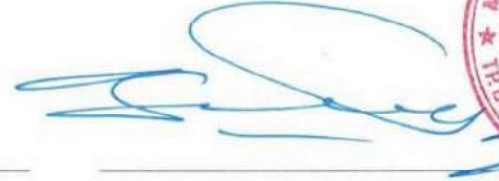
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Buôn Ma Thuật, ngày 30 tháng 03 năm 2020



NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Người lập biểu



NGUYỄN TRẦN GIANG

Kế toán trưởng



BÙI QUANG NINH

Tổng Giám đốc



Đắk Lắk, ngày 17 tháng 04 năm 2020
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký)

NGUYỄN VIẾT TƯỢNG